

UBND TỈNH THANH HÓA
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC

BẢN MÔ TẢ
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Trình độ: Đại học

Ngành đào tạo: Kinh tế

Mã ngành: 7310101

Thanh Hóa, năm 2023

BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Ngành: Kinh tế Trình độ: Đại học

*(Ban hành theo Quyết định số: 2587/QĐ-ĐHHD, ngày 18 tháng 09 năm 2023
của Hiệu trưởng Trường Đại học Hồng Đức)*

1. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Giới thiệu về chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo ngành cử nhân Kinh tế được xây dựng lần đầu tiên vào năm 2017 với hình thức đào tạo theo hệ thống tín chỉ đáp ứng yêu cầu quy định về khung chương trình đào tạo của bộ nhằm nâng cao năng lực kiến thức và kỹ năng đáp ứng nhu cầu đơn vị tuyển dụng. Năm 2019 chương trình đào tạo được xây dựng mới và điều chỉnh tập trung kiến thức chuyên môn và phát huy tối đa năng lực người học đáp ứng nhu cầu xã hội. Chương trình đào tạo được xây dựng dựa trên sự kế thừa, vận dụng các chương trình đào tạo Kinh tế của các trường đại học lớn trong nước như Đại học Ngoại thương, Đại học Thương Mại, Trường Đại học Kinh tế quốc dân. Các chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế của các trường đại học trên thế giới như Canada và USA. Năm học 2020 chương trình được điều chỉnh cập nhật tài liệu tham khảo; năm 2021, 2022 tiếp tục điều chỉnh phù hợp với sứ mệnh mục tiêu đào tạo của nhà trường và năm 2023 CTĐT tiếp tục được chỉnh sửa theo Quyết định số 847/QĐ-ĐHHD, ngày 17 tháng 04 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hồng Đức.

Chương trình đào tạo ngành Đại học Kinh tế gồm 46 học phần (tương đương 128 tín chỉ), trong đó có 36 học phần bắt buộc (102 tín chỉ) và 10 học phần tự chọn (26 tín chỉ), được phân bố trong 8 học kỳ (kỳ 1: gồm 06 học phần, 16 tín chỉ; kỳ 2: gồm 06 học phần, 16 tín chỉ; kỳ 3: gồm 07 học phần, 16 tín chỉ; kỳ 4: gồm 07 học phần, 18 tín chỉ; kỳ 5: gồm 06 học phần, 17 tín chỉ; kỳ 6: gồm 06 học phần, 16 tín chỉ; kỳ 7: gồm 06 học phần, 18 tín chỉ; kỳ 8: gồm 02 học phần thay thế KLTN và thực tập TN, 11 tín chỉ).

- Khối kiến thức lý luận chính trị gồm 06 học phần (13 tín chỉ);
- Khối kiến thức QL, KHXH & nhân văn gồm 6 học phần (11 tín chỉ);
- Khối kiến thức ngoại ngữ gồm 03 học phần (10 tín chỉ);
- Khối kiến thức KHTN-Công nghệ gồm 03 học phần (11TC);
- Khối kiến thức cơ sở gồm 07 học phần (18 tín chỉ);
- Khối kiến thức ngành gồm 16 học phần (46 tín chỉ);
- Kiến thức bổ trợ tự do gồm 02 học phần (8 tín chỉ);
- Thực tập, Khoá luận tốt nghiệp 03 học phần (11 tín chỉ);

Để đảm mục tiêu và chất lượng chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo, ngành Kinh tế đáp ứng đầy đủ các điều kiện về đội ngũ cơ sở vật chất, hệ thống tài liệu giáo trình, hệ thống kết nối doanh nghiệp và đơn vị tuyển dụng. Cụ thể, hiện nay ngành Kinh tế đang có 4 tiến sĩ, 02 nghiên cứu sinh và 07 thạc sĩ có kinh nghiệm giảng dạy trên 5 đến 25 năm, có năng lực công tác tốt, nhiệt huyết trong công việc, được đào tạo từ các trường đại học uy tín trong và ngoài nước,... Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo khang trang với hệ thống phương tiện phục vụ giảng dạy nghiên cứu được trang bị đầy đủ, hệ thống phòng ngân hàng thực hành, phòng kế toán mô phỏng, siêu thị thực hành được đưa vào ứng dụng trong giảng dạy nhằm góp phần nâng cao hiệu quả dạy và học.

2. Thông tin chung về chương trình đào tạo

Tên chương trình (Tiếng Việt):	Kinh tế
Tên chương trình (Tiếng Anh):	Economics
Trình độ đào tạo:	Đại học
Mã ngành đào tạo:	7310101
Khoa/Bộ môn QL chương trình:	Kinh tế - QTKD/ Kinh tế
Đối tượng tuyển sinh:	Theo quy chế tuyển sinh hiện hành của Bộ GD&ĐT
Thời gian đào tạo:	4 năm
Hình thức đào tạo:	Chính quy
Số tín chỉ yêu cầu:	128
Điều kiện tốt nghiệp:	<ul style="list-style-type: none"> - Tích lũy đủ số học phần và số tín chỉ quy định cho chương trình đào tạo (128 tín chỉ); - Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2,0 trở lên (theo thang điểm 4,0); - Đánh giá đạt chuẩn đầu ra của CTĐT; - Đạt chuẩn đầu ra về ngoại ngữ (bậc 3/6 theo khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam); - Có chứng chỉ quốc phòng và giáo dục thể chất; - Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập.
Tên gọi văn bằng tốt nghiệp:	Cử nhân kinh tế
Vị trí việc làm	- Chuyên viên, chuyên gia, cán bộ quản lý trong lĩnh vực kinh tế quốc tế tại các cơ quan nhà nước, các sở ngành ở địa phương, các tổ chức quốc tế, ngân hàng, các DN FDI, doanh nghiệp xuất nhập khẩu...; Nghiên cứu viên trong các viện nghiên cứu kinh tế, giảng viên trong các trường đại học, cao đẳng trong và ngoài nước về lĩnh vực kinh tế quốc tế; Tự khởi nghiệp và tìm kiếm cơ hội kinh doanh riêng cho bản thân.
Học tập nâng cao trình độ:	Thạc sĩ, tiến sĩ trong và ngoài nước
Thời gian cập nhật bản mô tả chương trình đào tạo	20/10/2023

3. Mục tiêu đào tạo của chương trình

3.1. Mục tiêu chung

Đào tạo cử nhân Kinh tế có có phẩm chất chính trị, tư cách đạo đức tốt; có kiến thức, kỹ năng thực hành nghề nghiệp, năng lực nghiên cứu và phát triển ứng dụng khoa học và công nghệ; Có kiến thức sâu, rộng về kinh tế; có khả năng phân tích, giải quyết các vấn đề kinh tế thuộc các lĩnh vực chuyên sâu về kinh tế quốc tế.

3.2. Mục tiêu cụ thể

3.2.1. Kiến thức

PO1:Người học được cung cấp hệ thống kiến thức về lý luận Chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước. Trên cơ sở đó, hình thành được thế giới quan, phương pháp luận khoa học; tạo dựng được niềm tin vững chắc vào vai trò lãnh đạo của Đảng cộng sản Việt Nam; nâng cao bản lĩnh chính trị và ý thức công dân, góp phần xây dựng đất nước Việt Nam giàu mạnh.

PO2: Người học được trang bị kiến thức về ngữ pháp, từ vựng và các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết để có thể giao tiếp được bằng Tiếng Anh và đọc hiểu các tài liệu Tiếng Anh phục vụ cho công việc.

PO3: Có kiến thức cơ bản về khởi nghiệp đổi mới sáng tạo; PP NCKH chuyên ngành Kinh tế - QTKD và Cơ sở văn hóa VN.

PO4: Người học được cung cấp kiến thức tổng quan về các lĩnh vực khoa học quản lý, KHXH & nhân văn; khoa học tự nhiên – công nghệ và vận dụng chúng vào quá trình học tập, làm việc.

PO5: Có kiến thức sâu, rộng về kinh tế; và khả năng thực hành, thực tế chuyên ngành kinh tế để vận dụng thành thạo các kiến thức đó để nghiên cứu, phân tích các quyết định đầu tư kinh doanh, tư vấn hoạch định chiến lược, chính sách, quy hoạch và quản lý hoạt động kinh doanh quốc tế của các cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức quốc tế và các doanh nghiệp.

PO6: Có khả năng làm việc trong các lĩnh vực về kinh doanh quốc tế, nghiệp vụ kinh doanh xuất nhập khẩu, chính sách kinh tế đối ngoại, tài chính quốc tế, thanh toán quốc tế, đầu tư quốc tế, hội nhập kinh tế quốc tế, logistics trong thực tiễn, công việc chuyên môn của tổ chức, doanh nghiệp.

3.2.2. Kỹ năng

PO7. Có kỹ năng quản lý và điều hành các nghiệp vụ về kinh tế, kỹ năng giao tiếp, thuyết trình, ngoại ngữ, kỹ năng làm việc nhóm. Khả năng thích ứng và giải quyết vấn đề trong môi trường làm việc đa dạng.

3.2.3. Mức tự chủ và trách nhiệm

PO8: Có năng lực tự thích nghi và học tập suốt đời, có khả năng làm việc độc lập và tự chịu trách nhiệm, có tác phong chuyên nghiệp, cầu thị, có đạo đức nghề nghiệp, có trách nhiệm phản biện xã hội.

4. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Hoàn thành chương trình đào tạo ngành Kinh tế trình độ đại học, người học nắm vững các kiến thức lý thuyết và thực tế, có kỹ năng thực hành nghề nghiệp và kỹ năng giao tiếp ứng xử, thể hiện mức độ tự chủ và chịu trách nhiệm cá nhân để thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn. Người học phải đạt bậc 6 của Khung trình độ quốc gia Việt Nam được phê duyệt tại Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng chính phủ, cụ thể như sau:

4.1. Kiến thức

PLO1: Vận dụng được những nguyên lý, những quy luật, những luận điểm của chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước vào giải quyết những vấn đề thực tiễn.

PLO2: Đạt trình độ ngoại ngữ (Tiếng Anh) bậc 3/6 (mức 4,0/10 điểm theo định dạng đề thi được quy định tại Quyết định số 729/QĐ-BGDĐT ngày 11/3/2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo) đối với trình độ đại học.

PLO3: Vận dụng được các kiến thức về khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, cũng như các phương pháp NCKH hay cơ sở văn hóa VN vào giải quyết các vấn đề thực tiễn trong hoạt động của đơn vị, doanh nghiệp, tổ chức hoặc triển khai các dự án khởi nghiệp.

PLO4: Nắm được kiến thức tổng quan về các lĩnh vực XH- nhân văn như: Địa lý kinh tế Việt Nam; Lịch sử kinh tế quốc dân; Lịch sử các học thuyết kinh tế và vận dụng vào quá trình học tập và hoạt động thực tiễn.

PLO5: Vận dụng các kiến thức về Khoa học tự nhiên – công nghệ như: toán cao cấp; xác suất thống kê; công nghệ số hay mô hình toán kinh tế để phân tích diễn biến và xu hướng vận động của các chỉ số kinh tế quan trọng cũng như đánh giá các hoạt động kinh tế và dự báo những biến động của nền kinh tế.

PLO6: Sử dụng được những kiến thức tâm lý học quản lý kinh doanh; Logic học đại cương; hay môi trường và con người vào quá trình thực hiện hoạt động nghề nghiệp tại các tổ chức, doanh nghiệp, phát triển năng lực nghề nghiệp và đáp ứng với yêu cầu của thời kỳ hội nhập kinh tế quốc tế.

PLO7: Vận dụng được các kiến thức cơ bản về kinh tế như: Kinh tế vi mô; Kinh tế vĩ mô; Nguyên lý thống kê; Marketing căn bản; Luật kinh tế; cũng như các kiến thức ngành như: kinh tế đầu tư, kinh tế môi trường, kinh tế thương mại, thống kê doanh nghiệp, dự báo kinh tế để phân tích, đánh giá giải quyết các vấn đề về kinh tế vĩ mô và vi mô, nghiên cứu, dự báo sự vận động của nền kinh tế thế giới và ảnh hưởng của nó tới nền kinh tế Việt Nam, xu hướng toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế quốc tế...

PLO8: Vận dụng được kiến thức ngành về Quản trị; kế toán; TCNH và các kiến thức thương mại điện tử, marketing kỹ thuật số, Kỹ năng đàm phán và ký kết hợp đồng thương mại, văn hóa, giao tiếp trong kinh doanh; cũng như sử dụng được các kinh nghiệm thực hành, thực tế nghề nghiệp để phục vụ cho quá trình điều hành doanh nghiệp, tổ chức; cũng như xây dựng kế hoạch quản lý các dự án đầu tư, bao gồm kế hoạch hóa dự án, phân bổ nguồn lực, quản lý nhân viên, phân tích được các hoạt động kinh doanh và đánh giá tính khả thi của các dự án kinh doanh.

PLO9: Đánh giá, phân tích và tổng hợp được các vấn đề về Logistics; đầu tư; thanh toán quốc tế; thị trường chứng khoán; Chính sách kinh tế đối ngoại; Kinh tế quốc tế; kinh doanh quốc tế, nghiệp vụ kinh doanh xuất nhập khẩu, chính sách kinh tế đối ngoại, đầu tư quốc tế, tài chính quốc tế, thanh toán quốc tế, hội nhập kinh tế quốc tế, logistics trong thực tiễn, công việc chuyên môn của tổ chức, doanh nghiệp.

4.2. Kỹ năng

PLO10: Kết hợp được các kỹ năng giao tiếp, ngoại ngữ, thuyết trình trong các hoạt động đàm phán và thiết lập các mối quan hệ với đồng nghiệp, cấp trên, đối tác và khách hàng.

PLO11: Tổ chức làm việc nhóm và giải quyết các vấn đề phát sinh trong quá trình làm việc.

4.3. Mức tự chủ và trách nhiệm

PLO12: Thích nghi được với sự phát triển của xã hội và ngành nghề trong tương lai để tự phát triển bản thân, học hỏi và cập nhật kiến thức mới; hành động phù hợp với chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp và trách nhiệm xã hội.

5. Chuẩn đầu vào của chương trình đào tạo

Căn cứ vào khoản 1, 2 Điều 6 Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ GD&ĐT về quy định về chuẩn CTĐT; xây dựng, thẩm định và ban hành CTĐT các trình độ của giáo dục đại học; Chương trình đào tạo cử nhân ngành Kinh tế chấp nhận các thí sinh đảm bảo những điều kiện sau:

- Đối tượng tuyển sinh: Đã tốt nghiệp THPT hoặc đã tốt nghiệp trung cấp.
- Phương thức tuyển sinh và ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào thực hiện theo quy định hiện hành (**được cụ thể hóa trong đề án tuyển sinh hàng năm**):

Cụ thể năm 2023: thực hiện tổ chức tuyển sinh đồng thời theo cả 6 phương thức (Theo thông báo số 137/ TB- ĐHHD, ngày 12 tháng 06 năm 2023 về Tuyển sinh đào tạo trình độ đại học chính quy năm 2023 vào Trường Đại học Hồng Đức).

(1) Sử dụng kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2023; *Điều kiện xét tuyển:* Có tổng điểm 3 môn thi hoặc bài thi đạt điểm nhận hồ sơ xét tuyển đối với ngành Kinh tế do Nhà trường công bố. Điểm đối tượng ưu tiên, khu vực thực hiện theo quy định hiện hành.

(2) Sử dụng kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2021 hoặc 2022; *Điều kiện xét tuyển:* Đã tốt nghiệp THPT và có tổng điểm 3 môn thuộc tổ hợp xét tuyển và điểm khu vực, ưu tiên (nếu có) đạt điểm trúng tuyển của năm 2021, 2022.

(3) Sử dụng kết quả học tập THPT; *Điều kiện xét tuyển:* Điểm trung bình chung 3 môn học thuộc tổ hợp môn xét tuyển của 3 học kỳ (kỳ 1, kỳ 2 lớp 11 và kỳ 1 lớp 12) ở THPT không thấp hơn 5,5 (theo thang điểm 10);

(4) Tuyển thẳng theo Quy chế tuyển sinh của Trường ĐH Hồng Đức;

(5) Xét tuyển học sinh có chứng chỉ IELTS từ 5.0 hoặc TOEFL iBT từ 60 điểm trở lên (trong vòng 24 tháng kể từ ngày được cấp chứng chỉ đến tháng 8/2023); *Điều kiện xét tuyển:* Chứng chỉ còn thời gian trong vòng 24 tháng kể từ ngày được cấp chứng chỉ; học lực lớp 12 đạt từ loại Trung bình trở lên.

(6) Sử dụng kết quả thi đánh giá năng lực hoặc đánh giá tư duy do các đại học hoặc trường đại học tổ chức thi năm 2023 (ĐHQG Hà Nội, Đại học Bách khoa Hà Nội, Trường ĐH Sư phạm Hà Nội...).

- Về tổ hợp xét tuyển: 4 tổ hợp, bao gồm: A00 (Toán - Lý – Hóa); C04 (Văn - Toán – Địa); C14 (Văn - Toán – GD công dân); D01 (Văn - Toán – Anh).

6. Ma trận mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo:

Chuẩn đầu ra (PLO) của CTĐT có liên quan với mục tiêu (PO) của CTĐT về kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm:

Chuẩn đầu ra CTĐT	MỤC TIÊU CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO							
	Kiến thức						Kỹ năng	Mức tự chủ và trách nhiệm
	PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6	PO7	PO8
PLO1	✓							✓
PLO2		✓					✓	
PLO3			✓					
PLO4				✓				
PLO5					✓			
PLO6					✓	✓		
PLO7						✓		
PLO8			✓				✓	
PLO9					✓	✓		✓
PLO10		✓	✓					
PLO11							✓	✓
PLO12	✓							✓

Ghi chú: Dùng ký hiệu (✓) để xác định sự liên quan giữa CDR với mục tiêu của CTĐT

7. Phương pháp dạy - học và phương pháp kiểm tra đánh giá

7.1. Phương pháp dạy - học

- Chuẩn bị của giảng viên: Giảng viên chuẩn bị bài giảng, nắm vững nội dung giảng dạy chuẩn bị hồ sơ lên lớp gồm đề cương, giáo trình, danh sách theo dõi quá trình học tập của sinh viên đầy đủ theo yêu cầu của từng học phần (được ghi trong đề cương chi tiết). Dựa vào Đề cương chi tiết học phần đã được phê duyệt, giảng viên chuẩn bị bài giảng bám sát chuẩn đầu ra của học phần (bao gồm các kiến thức và kỹ năng cần đạt được của học phần). Mỗi khóa học có sĩ số và chất lượng sinh viên khác nhau, giảng viên cần nắm rõ tình hình lớp để điều chỉnh phương pháp giảng dạy sao cho kết thúc học phần sinh viên đạt được những năng lực cần thiết như đã đề ra. Giảng viên chủ động đầu mối với các bộ phận có liên quan để chuẩn bị các điều kiện về cơ sở vật chất, phòng học phục vụ quá trình giảng dạy, học tập và thực hành của sinh viên.

- Các phương pháp dạy học: Kết hợp linh hoạt hệ thống các phương pháp giảng dạy truyền thống và các phương pháp giảng dạy hiện đại; tận dụng tối đa các thành tựu khoa học và công nghệ phục vụ giáo dục vào giảng dạy nhằm phát huy tính tích cực chủ động, sáng tạo trong học tập, trong tư duy của học viên. Các phương pháp giảng dạy chủ yếu được sử dụng như: Phương pháp thuyết trình (áp dụng cho giảng dạy lý thuyết), phương pháp động não, đặt vấn đề, hoạt động nhóm, dự án, mô phỏng, nghiên cứu tình huống (áp dụng cho các tiết thảo luận, bài tập), phương pháp lớp học đảo

ngược, thực hành, thăm quan thực tế doanh nghiệp (áp dụng cho các tiết học thực hành, thực tế)

- Cải tiến, nâng cao chất lượng dạy học: Thực hiện thông qua tự đánh giá của giảng viên, phản hồi của SV và của đồng nghiệp. Ở buổi học đầu, giảng viên cung cấp thông tin cá nhân và các kênh liên lạc để trao đổi học thuật và nhận phản hồi góp ý từ sinh viên, cung cấp đề cương chi tiết học phần cho sinh viên. Cuối kỳ giảng viên, bộ môn hoặc khoa sẽ phát phiếu để sinh viên đánh giá, góp ý toàn bộ quá trình giảng dạy. Mỗi học kỳ bộ môn và Khoa tổ chức dự giờ để đánh giá và góp ý giờ giảng. Bên cạnh đó, thông qua các buổi sinh hoạt chuyên môn học thuật, người dạy có được thông tin đa chiều trong việc cần cải tiến phương pháp dạy và học, cũng như đánh giá người học.

7.2. Các phương thức kiểm tra đánh giá

- Đánh giá quá trình: Được tiến hành thường xuyên dựa theo tiến trình đã được nêu trong Đề cương chi tiết học phần, trọng số 30% trong đánh giá kết quả cuối kỳ của sinh viên. Hình thức đánh giá thông qua hỏi đáp nhanh, kiểm tra miệng, bài tập nhóm, bài kiểm tra 15 phút, câu hỏi trắc nghiệm.

- Đánh giá giữa kỳ: Được thực hiện trong khoảng tuần thứ 6 đến tuần 9 trong tiến trình đào tạo, đã được xác định trong Đề cương chi tiết học phần, trọng số 20% trong đánh giá kết quả cuối kỳ của sinh viên. Các hình thức đánh giá bao gồm: bài kiểm tra 1 tiết, vấn đáp, bài tập lớn hoặc chuyên đề.

- Đánh giá cuối kỳ: Được thực hiện thông qua bài thi cuối kỳ do Phòng Đảm bảo chất lượng và khảo thí xếp lịch, trọng số 50% trong đánh giá kết quả cuối kỳ của sinh viên. Hình thức thi theo đề xuất của bộ môn và phải được Nhà trường phê duyệt, các hình thức bao gồm: viết, vấn đáp, đề án môn học, trắc nghiệm, thực hành.

II. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC

1. Cấu trúc chương trình dạy học

TT	Khối kiến thức, số TC	Loại HP	Số TC
1	Kiến thức chung, 45 tín chỉ	Bắt buộc	41
		Tự chọn	4
2	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp, 72 tín chỉ	Bắt buộc	50
		Tự chọn	22
3	Kiến thức rèn nghề, thực tập 5 tín chỉ	Bắt buộc	5
		Tự chọn	0
4	Khóa luận/học phần thay thế 6 tín chỉ	Bắt buộc	6
		Tự chọn	0
Tổng số: 128 TC			

2. Danh sách và mô tả các học phần

TT	Mã HP	Tên HP, số TC	Mô tả nội dung học phần	Tài liệu dạy học
A	KHỐI KIẾN THỨC GDĐC (45TC)			
I	Lý luận chính trị (13TC)			
1	196055	Triết học Mác-Lênin, 3TC	<p>- Nội dung học phần: Học phần gồm 3 chương: Chương 1 trình bày những nét khái quát nhất về triết học, triết học Mác - Lênin và vai trò của triết học trong đời sống xã hội. Chương 2 Trình bày quan điểm duy vật biện chứng về vật chất, ý thức; nội dung phép biện chứng duy vật biện chứng; lý luận nhận thức duy vật biện chứng; Chương 3 Trình bày quan điểm duy vật lịch sử về sự tồn tại, vận động, phát triển của các hình thái kinh tế - xã hội; về nguồn gốc ra đời và bản chất của giai cấp, dân tộc, nhà nước, cách mạng xã hội, ý thức xã hội, con người, vai trò của con người trong lịch sử.</p> <p>- Năng lực đạt được: Trình bày được những kiến thức căn bản của triết học Mác – Lênin; Từng bước thiết lập cho sinh viên thế giới quan duy vật và phương pháp luận duy vật biện chứng làm cơ sở cho việc nhận thức các vấn đề, các nội dung của các môn học khác và hoạt động của bản thân; Đánh giá đúng giá trị, bản chất khoa học, cách mạng của Triết học Mác – Lênin và về vai trò, sức sống của triết học Mác-Lênin trong đời sống xã hội.</p>	<p>Giáo trình bắt buộc Bộ Giáo dục & ĐT (2021), <i>Giáo trình Triết học Mác-Lênin</i>, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.</p> <p>Tài liệu tham khảo: 1) Bộ Giáo dục & ĐT (2021), <i>Giáo trình Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin</i>, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội. 2) Đảng Cộng sản Việt Nam, <i>Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI, VII, VIII, IX, X; XI, XII, XIII</i>, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1986; 1991; 1996; 2001; 2006; 2011, 2016, 2021.</p>
2	196060	Kinh tế chính trị Mác - Lênin, 2TC	<p>- Nội dung học phần: Nội dung học phần gồm 6 chương: Chương 1 trình bày đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của kinh tế chính trị Mác – Lênin. Từ chương 2 đến chương 6 trình bày những quan điểm cốt lõi của chủ nghĩa Mác – Lênin về hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể trong nền kinh tế thị trường; giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường; cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường; những vấn đề chủ yếu về kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, các quan hệ lợi ích kinh tế, công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.</p> <p>- Năng lực đạt được: Trình bày được những kiến thức căn bản của kinh tế chính trị Mác - Lênin; Phân tích, đánh giá và nhận diện đúng bản chất quan hệ lợi ích kinh tế trong nền kinh tế thị trường hiện nay ở Việt Nam và trên thế giới; Tin tưởng và chấp hành nghiêm túc các chủ trương, đường lối, chính sách kinh tế của Đảng và Nhà ta hiện</p>	<p>Giáo trình bắt buộc Bộ GD&ĐT (2021), <i>Giáo trình Kinh tế chính trị Mác - Lênin</i> (Dành cho bậc đại học - không chuyên lý luận chính trị), NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.</p> <p>Tài liệu tham khảo: 1) Bộ GD&ĐT (2006), <i>Giáo trình Kinh tế chính trị Mác - Lênin Mác - Lênin</i> (Dùng cho các khối ngành không chuyên kinh tế - quản trị kinh doanh trong các trường đại học, cao đẳng), NXB CTQG, Hà Nội. 2) Đảng Cộng sản Việt Nam, <i>Văn</i></p>

TT	Mã HP	Tên HP, số TC	Mô tả nội dung học phần	Tài liệu dạy học
			nay góp phần cùng toàn Đảng, toàn dân thực thực hiện thắng lợi các mục tiêu kinh tế trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam hiện nay.	<i>kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI, VII, VIII, IX, X, XI, XII</i> , NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1986, 1991, 1996, 2001, 2006, 2011, 2016.
3	196065	Chủ nghĩa xã hội khoa học, 2TC	<p>- Nội dung học phần: Nội dung học phần gồm 7 chương: Chương 1 trình bày quá trình hình thành phát triển lý luận về chủ nghĩa xã hội khoa học. Từ chương 2 đến chương 7 trình bày các quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lênin về giai cấp công nhân, sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân; bản chất, đặc trưng của chủ nghĩa xã hội, thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam; nền dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước xã hội chủ nghĩa; cơ cấu xã hội- giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; vấn đề dân tộc, tôn giáo, gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.</p> <p>- Năng lực đạt được: Trình bày được những nội dung cơ bản, cốt lõi trong lý luận về chủ nghĩa xã hội khoa học của chủ nghĩa Mác-Lênin; Vận dụng lý luận về chủ nghĩa xã hội khoa học để xem xét, đối sánh với thực tiễn xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Có kiến thức lý luận về chủ nghĩa xã hội khoa học để hiểu và thực hiện tốt chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; Tin tưởng và chấp hành nghiêm túc các chủ trương, chính sách và con đường đi lên CNXH ở Việt Nam hiện nay.</p>	<p>Giáo trình bắt buộc Bộ giáo dục và Đào tạo (2021), <i>Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học</i> (dành cho bậc đại học không chuyên Lý luận chính trị), NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.</p> <p>Tài liệu tham khảo: 1) Bộ Giáo dục & Đào tạo (2008), <i>Giáo trình chủ nghĩa xã hội khoa học</i>, NXB Chính trị quốc gia. 2) Đảng Cộng sản Việt Nam, <i>Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI, VII, VIII, IX, X, XI, XII, XIII</i>, NXB. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1986; 1991; 1996; 2001; 2006; 2011, 2016, 2021.</p>
4	198030	Lịch sử đảng cộng sản Việt Nam, 2TC	<p>- Nội dung học phần: Tìm hiểu quá trình lãnh đạo của Đảng cộng sản Việt Nam qua các giai đoạn lịch sử: Đảng ra đời và đấu tranh giành chính quyền (1930 - 1945); Đảng lãnh đạo hai cuộc kháng chiến chống ngoại xâm, giải phóng dân tộc thống nhất đất nước (1945 - 1975); Đảng lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (từ năm 1975 đến nay). Sinh viên biết phân tích, chứng minh các sự kiện lịch sử. Từ đó, vận dụng những kiến thức đã học vào thực tiễn cuộc sống.</p> <p>- Năng lực đạt được: Tóm tắt được quá trình lãnh đạo của Đảng qua các thời kỳ cách mạng: đấu tranh giành chính quyền (1930-1945); cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ</p>	<p>Giáo trình bắt buộc Bộ Giáo dục và Đào tạo (2021), <i>Giáo trình Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam</i> (Dành cho bậc đại học hệ không chuyên lý luận chính trị), NXB Chính trị Quốc gia, Sự thật.</p> <p>Tài liệu tham khảo: 1) Bộ Giáo dục và Đào tạo (2007), <i>Một số chuyên đề Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam</i>, Tập 1,2,3, NXB Chính trị Quốc gia.</p>

TT	Mã HP	Tên HP, số TC	Mô tả nội dung học phần	Tài liệu dạy học
			<p>cứu nước giai đoạn (1945 -1975); thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (từ năm 1975 đến nay); Giải thích được bản chất của các sự kiện Lịch sử Đảng: nội dung, đường lối, chủ trương của Đảng trong quá trình Đảng lãnh đạo cách mạng Việt Nam qua các giai đoạn lịch sử; Rèn luyện đạo đức, lập trường tư tưởng chính trị kiên định, vững vàng. Tuyệt đối tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng. Thực hiện tốt chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; Tích cực đấu tranh chống lại các quan điểm sai trái thù địch tấn công vào nền tảng tư tưởng của Đảng và xuyên tạc về sự lãnh đạo của Đảng đối với cách mạng Việt Nam.</p>	<p>2) Văn kiện Đảng cộng sản Việt Nam, Toàn tập, (từ tập 01 đến tập 69), NXB Chính trị Quốc gia, Sự thật.</p>
5	197035	Tư tưởng HCM, 2TC	<p>- Nội dung học phần: Tìm hiểu những nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh về cách mạng Việt Nam: Khái niệm, cơ sở hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh, các giai đoạn hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, về Đảng cộng sản Việt Nam và Nhà nước; về vấn đề Đại đoàn kết; văn hóa, đạo đức và con người. Quá trình vận động, phát triển của tư tưởng Hồ Chí Minh trong thực tiễn.</p> <p>- Năng lực đạt được: Nắm vững và khái quát được những nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh. Xác định bản chất khoa học, cách mạng và tính sáng tạo trong tư tưởng Hồ Chí Minh; Vận dụng kiến thức đã học để phân tích, làm rõ vai trò nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam của tư tưởng Hồ Chí Minh đối với Đảng Cộng sản Việt Nam; Đánh giá, nhận định các vấn đề chính trị, xã hội của Việt Nam và thế giới một cách đúng đắn trên nền tảng tư tưởng Hồ Chí Minh. Từ đó, phê phán những quan điểm sai trái của các thế lực thù địch nhằm bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng; Xây dựng nhân cách, đạo đức tốt đẹp theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh. Có bản lĩnh chính trị vững vàng, chấp hành nghiêm các chủ trương, đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước.</p>	<p>Giáo trình bắt buộc Bộ Giáo dục và đào tạo (2021), <i>Giáo trình tư tưởng Hồ Chí Minh</i>, (Dành cho bậc đại học hệ không chuyên lý luận chính trị), NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.</p> <p>Tài liệu tham khảo: 1) <i>Hồ Chí Minh (2011), Toàn tập</i>, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội (Từ tập 01 đến tập 15) 2) Hội đồng Lý luận Trung ương (2003), <i>Giáo trình tư tưởng Hồ Chí Minh</i>, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Hà Nội.</p>
6	197030	Pháp luật đại cương, 2TC	<p>- Nội dung học phần: Học phần gồm những vấn đề chung về nhà nước và pháp luật; kiến thức pháp lý cơ bản của một số ngành luật: Luật hiến pháp, luật hành chính, Luật phòng chống tham nhũng, Luật hình sự, Luật dân sự, Luật hôn nhân và gia đình và Luật lao động.</p>	<p>Giáo trình bắt buộc Lê Văn Minh (chủ biên) (2016), <i>Pháp luật đại cương</i>, NXB Lao động</p> <p>Tài liệu tham khảo: 1) Lê Minh Tâm, Nguyễn Minh</p>

TT	Mã HP	Tên HP, số TC	Mô tả nội dung học phần	Tài liệu dạy học
			<p>- Năng lực đạt được: Người học hiểu được các vấn đề lý luận chung về Nhà nước và pháp luật; Phân tích được một số nội dung cơ bản quy định trong các ngành luật: Luật hiến pháp, Luật hành chính, Luật phòng chống tham nhũng, Luật hình sự, Luật dân sự, Luật hôn nhân và gia đình, Luật lao động; Vận dụng được kiến thức pháp lý đã học để tiếp cận và bước đầu giải quyết các vấn đề phát sinh trong thực tiễn đời sống xã hội; ...</p>	<p>Doan (2015), <i>Giáo trình lý luận Nhà nước và Pháp luật</i>, NXB Công an nhân dân.</p> <p>2) Thái Vĩnh Thắng, Vũ Hồng Anh (2015), <i>Giáo trình Luật Hiến pháp Việt Nam</i>, NXB Công an nhân dân.</p>
II Khoa học QL, KHXH & nhân văn (14TC)				
7	154888	Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, 3TC	<p>- Nội dung học phần: Kiến thức, kỹ năng về khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo từ đó giúp người học chủ động phát triển tư duy đổi mới sáng tạo và tìm kiếm các định hướng khởi nghiệp trên cơ sở phát huy tối đa năng lực bản thân. Học phần tập trung vào các nội dung chính như hình thành tư duy đổi mới sáng tạo; tìm kiếm và phát triển ý tưởng khởi nghiệp đổi mới sáng tạo; xây dựng mô hình, đề án khởi nghiệp đổi mới sáng tạo và rèn luyện các năng lực để trở thành một người khởi nghiệp ĐMST.</p> <p>- Năng lực đạt được: Hiểu được bản chất của khởi nghiệp và ĐMST từ đó có thể vận dụng vào trong thực tiễn công việc; Phân tích và vận dụng được các kỹ thuật tư duy sáng tạo như (Mindmap, Scamper, động não, DOIT, đối tượng tiêu điểm...) trong tìm kiếm và xây dựng ý tưởng khởi nghiệp đổi mới sáng tạo có tính khả thi cao; Vận dụng kiến thức vào xây dựng được bản kế hoạch khởi nghiệp ĐMST hoàn chỉnh và tự tin thuyết trình bảo vệ ý tưởng khởi nghiệp ĐMST trước hội đồng; Phân tích được điểm mạnh, điểm yếu về năng lực khởi nghiệp ĐMST của bản thân từ đó chủ động xây dựng kế hoạch hoàn thiện năng lực; Tác phong khoa học, chuyên nghiệp; tự tin trong giao tiếp và làm việc nhóm giúp lan toả tinh thần khởi nghiệp ĐMST đến mọi người.</p>	<p>Giáo trình bắt buộc Nguyễn Đăng Tuấn Minh (2017) <i>Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo - tư duy và công cụ</i>, NXB Phụ nữ.</p> <p>Tài liệu tham khảo: 1) Eric Ries (2018), <i>Khởi nghiệp tinh gọn (Lean startup)</i> p Dương Hiếu & Kim Phụng (dịch); NXB Thời đại. 2) Nguyễn Ngọc Huyền (2018). <i>Giáo trình Khởi sự kinh doanh</i>; NXB Đại học kinh tế quốc dân.</p>
8	156012	PP NCKH chuyên ngành Kinh tế và QTKD 3TC	<p>-Nội dung học phần: Phương pháp nghiên cứu chuyên ngành kinh tế và quản trị kinh doanh thuộc khối kiến thức cơ sở của chương trình đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh. Nội dung của học phần tập trung vào các nguyên lý cơ bản trong phương pháp nghiên cứu, mục đích của nghiên cứu cũng như cách thức tiến hành nghiên cứu, các bước trong một quy trình nghiên cứu, từ việc xác định vấn đề nghiên cứu, đặt câu hỏi</p>	<p>Giáo trình bắt buộc Trần Tiến Khai (2014), <i>Phương pháp nghiên cứu kinh tế</i>, ĐH Kinh tế TP Hồ Chí Minh, NXB Lao động xã hội.</p> <p>Tài liệu tham khảo 1) Nguyễn Văn Thắng (2014), <i>Thực</i></p>

TT	Mã HP	Tên HP, số TC	Mô tả nội dung học phần	Tài liệu dạy học
			<p>nghiên cứu, lập kế hoạch nghiên cứu cho tới tiến hành thu thập, xử lý và phân tích dữ liệu, viết báo cáo và trình bày kết quả nghiên cứu. Sau khi nghiên cứu môn học, người học sẽ có những phương pháp, kỹ năng nghiên cứu, phân tích các vấn đề thuộc lĩnh vực kinh tế, kinh doanh.</p> <p>- Năng lực đạt được: Sinh viên được trang bị những kiến thức cơ bản nhất về NCKH trong lĩnh vực kinh tế như các phương pháp nghiên cứu, cách trình bày NCKH, các phương pháp thu thập, xử lý và phân tích thông tin trong quá trình NCKH. : Sinh viên có khả năng vận dụng các kiến thức được trang bị để phát hiện, thiết lập vấn đề nghiên cứu, thu thập, xử lý, phân tích thông tin về vấn đề nghiên cứu. Vận dụng các kỹ năng về phát hiện vấn đề nghiên cứu, kỹ năng sử dụng các công cụ thống kê, kỹ năng sử dụng thành thạo các phần mềm trong thống kê như SPSS, Eviews trong xử lý, phân tích thông tin kinh tế. : Sinh viên có thể tự chủ trong thực hiện các nghiên cứu và trình bày nghiên cứu trong lĩnh vực kinh tế, quản trị kinh doanh. Sử dụng linh hoạt các phương pháp nghiên cứu, thu thập, xử lý thông tin và trình bày báo cáo NCKH một cách rõ ràng, hợp lý, khoa học.</p>	<p>hành nghiên cứu trong kinh tế và quản trị kinh doanh, Nhà xuất bản ĐH KTQD. 2) Vũ Cao Đàm (2019), Giáo trình phương pháp luận nghiên cứu khoa học, NXB Giáo dục Việt Nam.</p>
9	121005	Cơ sở văn hóa VN, 2TC	<p>- Nội dung học phần: Nội dung học phần: Khái niệm cơ bản về văn hóa Việt Nam; phân vùng văn hóa Việt Nam; tiến trình văn hoá Việt Nam từ cội nguồn cho đến hiện đại; các thành tố của văn hóa Việt Nam; bản sắc văn hóa Việt Nam; các giá trị văn hoá truyền thống của dân tộc Việt Nam. Từ đó bước đầu định hướng nhận thức về sự phát triển của nền văn hóa Việt Nam hiện đại trên cơ sở giữ gìn, phát huy những giá trị truyền thống, tiếp thu những giá trị văn hóa mới.</p> <p>- Năng lực đạt được: Nhận diện, khái quát và so sánh được các khái niệm, lý thuyết về văn hóa học và lịch sử văn hóa Việt Nam, từ đó có thể vận dụng vào trong thực tiễn công việc; Nhận biết được những hiệu ứng, dấu ấn văn hóa trên tất cả các phương diện của đời sống xã hội như văn hóa nhận thức, văn hóa tổ chức đời sống, văn hóa ứng xử với môi trường tự nhiên và xã hội. Từ đó chỉ ra sự giao lưu, tiếp xúc và tiếp biến văn hóa; Vận dụng kỹ năng giao tiếp, thuyết trình, ứng xử chuẩn mực, phù hợp với truyền thống văn hóa của dân tộc vào trong công việc và thực tiễn cuộc sống; Hình thành được thái độ học tập tích cực, phát huy được khả năng tư duy sáng tạo, độc</p>	<p>Giáo trình bắt buộc Trần Ngọc Thêm (1998), <i>Cơ sở văn hoá Việt Nam</i>, NXB Giáo dục. Tài liệu tham khảo: 1) Trần Quốc Vượng (2008), <i>Cơ sở văn hoá Việt Nam</i>, NXB Giáo dục 2) Đào Duy Anh (2021), <i>Việt Nam văn hóa sử cương</i>, NXB Văn hóa nghệ thuật, Hà Nội.</p>

TT	Mã HP	Tên HP, số TC	Mô tả nội dung học phần	Tài liệu dạy học
			lập. Đồng thời, hình thành thái độ và tinh thần yêu quý, trân trọng các giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc, gìn giữ, phát huy bản sắc văn hóa, đồng thời kiên quyết loại trừ những hủ tục lạc hậu và yếu tố lệch lạc, phản văn hóa.	
10	125105	Môi trường và con người, 2TC	<p>-Nội dung học phần: Nội dung học phần: Các vấn đề cơ bản về môi trường, tài nguyên thiên nhiên, các nguyên lý sinh thái học cơ bản trong khoa học môi trường; vị trí của con người trong hệ sinh thái; mối quan hệ giữa môi trường, tài nguyên thiên nhiên với sự phát triển kinh tế - xã hội; tác động của con người đến môi trường; các biện pháp bảo vệ môi trường và phát triển bền vững; an toàn và vệ sinh lao động trong lao động sản xuất và cuộc sống.</p> <p>-Năng lực đạt được: Phân tích được mối quan hệ của các thành phần trong cấu trúc của hệ sinh thái, từ đó giải thích được cơ sở của đa dạng sinh học, vai trò của con người trong việc bảo vệ môi trường và phát triển bền vững. Nhận diện và phân tích được những vấn đề về vệ sinh và an toàn lao động. Giải thích được các khái niệm về môi trường, cơ sở sinh thái của môi trường; nguyên nhân gây ô nhiễm môi trường, các biện pháp ngăn ngừa gây ô nhiễm môi trường. Phân tích được mối quan hệ giữa dân số, tài nguyên và môi trường, từ đó xây dựng được ý thức, trách nhiệm, lối sống thân thiện với môi trường, có khả năng tự giải quyết các vấn đề về môi trường phát sinh trong thực tiễn. Có kỹ năng bảo vệ môi trường và vệ sinh, an toàn lao động. Có khả năng làm việc độc lập, làm việc theo nhóm nhằm tìm kiếm, phân tích và xử lý thông tin, giải quyết một vấn đề khoa học có liên quan đến lĩnh vực môi trường;</p>	<p>Giáo trình bắt buộc Lê Văn Khoa (chủ biên) (2011). <i>Giáo trình Môi trường và con người</i>, Nxb GDHN</p> <p>Tài liệu tham khảo: 1) Nguyễn Xuân Cự, Nguyễn Thị Phương Loan (2011), <i>Giáo trình Môi trường và con người</i>, NXB GD. 2) Luật bảo vệ môi trường 2020 (<i>Luật số: 72/2020/QH14</i>).</p>
11	<i>Chọn 1 trong 2 học phần</i>			
11a	196025	Logic học đại cương, 2TC	<p>-Nội dung học phần: Ngoài chương mở đầu nhằm giới thiệu về đối tượng, mục đích, yêu cầu, phương pháp học tập và ý nghĩa nghiên cứu môn học, nội dung chương trình môn học được chia thành 5 chương. Chương 2 giới thiệu bản chất, cấu trúc, các loại, quan hệ giữa các khái niệm và các thao tác trên khái niệm. Trên cơ sở khái niệm, đơn vị cơ bản cấu thành tư tưởng, chương 3 phân tích kết cấu của tư tưởng, các đơn vị và mối liên hệ giữa các đơn vị cấu thành một tư tưởng để khẳng định hay phủ định thuộc tính, quan hệ hay sự tồn tại của đối tượng. Chương 4 giới thiệu các quy luật cơ bản của lôgic hình thức. Các chương còn lại tập trung phân tích các thao tác của tư duy gồm các phép suy luận suy diễn và suy luận quy nạp, chứng minh và bác bỏ.</p>	<p>Giáo trình bắt buộc Vương Tất Đạt, (2000), <i>Lôgic học đại cương</i>, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội;</p> <p>Tài liệu tham khảo 1) Nguyễn Như Hải, (2007), <i>Giáo trình Lôgic học đại cương</i>, Nxb. Giáo dục; 2) Lưu Hà Vĩ, (1996), <i>Lôgic hình thức</i>, Nxb. CTQG;</p>

TT	Mã HP	Tên HP, số TC	Mô tả nội dung học phần	Tài liệu dạy học
			<p>-Năng lực đạt được: Tái lập có hệ thống các kiến thức về đặc trưng, kết cấu logic của khái niệm, mối quan hệ giữa các khái niệm, các thao tác logic trên khái niệm ; các loại phán đoán ; suy luận suy diễn và suy luận quy nạp ; các quy luật cơ bản của tư duy ; Các quy tắc trong chứng minh và bác bỏ ; Rèn luyện được tư duy logic để nâng cao năng lực nhận thức khoa học. Vận dụng một cách đúng đắn, linh hoạt các thao tác logic trong khái niệm, phán đoán, suy luận trong học tập cũng như trong nghiên cứu khoa học ;Khẳng định được năng lực của bản thân trong học tập và nghiên cứu. Có thái độ khách quan, khoa học trong nhận thức và phản biện. Có niềm tin vào chân lý. Đấu tranh chống lại những tư tưởng sai lầm trong nghiên cứu khoa học cũng như trong thực tiễn xã hội.</p>	
11b	81002	1 Tâm lý học quản lý kinh doanh, 2TC	<p>-Nội dung học phần: Nội dung học phần: Tổng quan về tâm lý học quản lý kinh doanh; Đặc điểm tâm lý của các đối tượng trong kinh doanh thương mại; Đặc điểm tâm lý của người lãnh đạo trong quản lý kinh doanh; Vấn đề giao tiếp và sử dụng con người trong quản lý kinh doanh; Quảng cáo thương mại với tâm lý người tiêu dùng.</p> <p>-Năng lực đạt được: Phân tích được những vấn đề cơ bản của Tâm lý học quản lý kinh doanh; Lý giải được đặc điểm tâm lý của các đối tượng trong kinh doanh thương mại và đặc điểm tâm lý của người lãnh đạo trong kinh doanh. Xác định được các vấn đề về giao tiếp và sử dụng con người trong quản lý kinh doanh; Đánh giá được vai trò của quảng cáo thương mại đối với tâm lý người tiêu dùng. Xây dựng được kế hoạch khảo sát, nghiên cứu thị trường tiêu dùng...thông qua các phương pháp nghiên cứu cụ thể; Nhận diện và kiểm soát được các đặc điểm tâm lý con người nói chung và tâm lý các đối tượng trong quản lý kinh doanh nói riêng; Hình thành kỹ năng giao tiếp và giải quyết các tình huống trong quản lý kinh doanh; Hình thành ý thức rèn luyện để hoàn thiện bản thân, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, thích ứng nhanh với những biến đổi của xã hội; Tu dưỡng đạo đức nghề nghiệp, năng động sáng tạo và nghiêm túc trong công việc, tuân thủ những nội quy, quy tắc và đạo đức nghề nghiệp; Cam kết cao tinh thần hợp tác làm việc nhóm, thái độ thiện chí trong việc giải quyết các vấn đề liên quan đến công việc chuyên môn.</p>	<p>Giáo trình bắt buộc Nguyễn Bá Dương – Đức Uy (2007), <i>Giáo trình Tâm lý học kinh doanh</i>, NXB Thống kê.</p> <p>Tài liệu tham khảo: 1) Nguyễn Hữu Thụ (2009), <i>Tâm lý học quản trị kinh doanh</i>, NXB ĐHQG Hà Nội. 2) Nguyễn Thị Thu Hiền (2000), <i>Tâm lý học quản trị kinh doanh</i>, NXB Thống kê.</p>

TT	Mã HP	Tên HP, số TC	Mô tả nội dung học phần	Tài liệu dạy học
12	<i>Chọn 1 trong 3 học phần</i>			
12a	125225	Địa lý kinh tế Việt Nam, 2TC	<p>-Nội dung học phần: Học phần Địa lý kinh tế Việt Nam cung cấp hệ thống các kiến thức cơ bản về các nguồn lực phát triển KT Việt Nam như: vị trí địa lí, các nguồn tài nguyên thiên nhiên và các điều kiện kinh tế xã hội; Thực trạng phát triển các ngành kinh tế ở Việt nam hiện nay; Đặc điểm phát triển các vùng kinh tế và vùng kinh tế trọng điểm của Việt nam.</p> <p>-Năng lực đạt được: Làm rõ được các kiến thức về nguồn lực phát triển kinh tế, ngành và vùng kinh tế. Phân tích mối quan hệ của các yếu tố nguồn lực trong quá trình phát triển kinh tế ở Việt Nam, đánh giá được những ảnh hưởng của các nguồn lực đối với sự phát triển kinh tế của đất nước nói chung, các ngành và các vùng kinh tế nói riêng. Phân tích và đánh giá được thực trạng và xu hướng phát triển các ngành kinh tế, các vùng kinh tế ở Việt Nam.</p> <p>Tính toán được một số chỉ tiêu kinh tế; vẽ biểu đồ, sơ đồ; đọc atlas Địa lí; có tư duy lãnh thổ; định hướng không gian</p> <p>Thể hiện thái độ và tinh thần gìn giữ, trân trọng các giá trị tài nguyên tự nhiên và kinh tế- xã hội của đất nước; đồng thời đưa ra được những kiến nghị và giải pháp khai thác tài nguyên bền vững và hiệu quả.</p> <p>Có tác phong khoa học, chuyên nghiệp; tự tin trong giao tiếp, thuyết trình và khả năng làm việc độc lập, làm việc theo nhóm nhằm phân tích và xử lý thông tin, giải quyết các vấn đề khoa học có liên quan đến lĩnh vực địa lí kinh tế Việt Nam</p>	<p>Giáo trình bắt buộc Lê Thông (Chủ biên) (2011), <i>Địa lý kinh tế xã hội Việt Nam</i>, NXB ĐHSP Hà Nội.</p> <p>Giáo trình tham khảo 1) Lê Thông, Nguyễn Quý Thao (đồng chủ biên), (2012), <i>Việt Nam, các vùng kinh tế và vùng kinh tế trọng điểm</i>, NXB Giáo dục Việt Nam.</p>
12b	51075	Lịch sử kinh tế quốc dân, 2TC	<p>-Nội dung học phần: Trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về nền KT thế giới và Việt Nam. Học phần đưa ra quy trình phát triển kinh tế của một số quốc gia tiên tiến trên thế giới là Mỹ, Nhật Bản, Trung Quốc, Liên Xô, Các nước đang phát triển và ASEAN. Từ đó rút ra vài học phát triển KT cho Việt Nam.</p> <p>-Năng lực đạt được: Hiểu và trình bày được những kiến thức cơ bản về quá trình phát triển KT của các nước trên thế giới và Việt Nam qua các thời kỳ lịch sử khác nhau; Hiểu về những đặc điểm, mô hình và xu hướng phát triển KT của mỗi quốc gia qua các thời kỳ lịch sử cụ thể, Hiểu những bài học kinh nghiệm về phát triển KT của các quốc gia, Đạt được những kiến thức về KT - XH, nâng cao trình độ lý luận về KT, bồi dưỡng quan điểm lịch sử, thực tiễn, Phân tích, đánh giá được các nội dung môn học, Vận dụng những bài học kinh nghiệm về phát triển KT của các nước trên thế giới vào việc hiểu và nhận</p>	<p>Giáo trình chính Nguyễn Trí Dĩnh, Phạm Huy Vinh, Trần Khánh Hưng (2013), <i>Giáo trình Lịch sử KT</i>, NXB ĐH KTQD.</p> <p>Tài liệu tham khảo Nguyễn Trí Dĩnh, Phạm Thị Quý (2008), <i>Giáo trình lịch sử kinh tế</i>, NXB ĐH KTQD.</p>

TT	Mã HP	Tên HP, số TC	Mô tả nội dung học phần	Tài liệu dạy học
			biết quá trình phát triển KT thực tế của Việt Nam trong các giai đoạn lịch sử khác nhau, Rút ra được xu hướng vận động khách quan của các mô hình phát triển KT thế giới, Rèn luyện được thói quen, phong cách làm việc khoa học, nghiêm túc và có ý thức trong hoạt động tự học	
12c	196030	Lịch sử các học thuyết kinh tế, 2TC	<p>- Nội dung học phần: Nội dung học phần gồm 6 chương. Chương mở đầu cung cấp cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về đối tượng, phương pháp và ý nghĩa của của việc nghiên cứu môn Lịch sử các học thuyết kinh tế. Các chương còn lại cung cấp hệ thống quan điểm, lý luận kinh tế của các đại biểu tiêu biểu trong học thuyết kinh tế tư sản cổ điển, học thuyết kinh tế chính trị tiểu tư sản, học thuyết kinh tế của chủ nghĩa xã hội không tưởng Tây Âu thế kỷ 19, quá trình phát sinh và phát triển của KTCT Mác-Lênin, học thuyết kinh tế tư sản hiện đại.</p> <p>- Năng lực đạt được: Sau khi kết thúc học phần, người học nắm được những quan điểm cơ bản trong các học thuyết kinh tế, từ đó đánh giá được những đóng góp có giá trị khoa học và những hạn chế mang tính lịch sử của các học thuyết đó. Phân tích, đánh giá được những vấn đề của nền kinh tế thị trường. Biết vận dụng kiến thức lý luận của môn học vào việc tiếp cận các môn khoa học chuyên ngành. Vận dụng những kiến thức đã học vào hoạt động thực tiễn sau này nhằm nâng cao hiệu quả của các hoạt động kinh tế.</p>	<p>Giáo trình bắt buộc Trần Bình Trọng (2008) <i>Giáo trình Lịch sử các học thuyết kinh tế</i>, NXB ĐH Kinh tế quốc dân, Hà Nội</p> <p>Tài liệu tham khảo: 1) Học viện chính trị quốc gia Hồ Chí Minh - Khoa Kinh tế chính trị (2000), <i>Giáo trình Lịch sử các học thuyết kinh tế</i>, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội. 2) Đảng Cộng sản Việt Nam, (2006), <i>Văn kiện ĐH đại biểu toàn quốc lần thứ X</i>, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.</p>
III	Ngoại ngữ (10TC)			
13	133031	Tiếng Anh 1, 4TC	<p>- Nội dung học phần: Nội dung học phần: Giới thiệu ngữ âm, ngữ pháp, từ vựng, cấu trúc tiếng Anh và rèn luyện các kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết tiếng Anh trình độ A2 (bậc 2/6) theo chuẩn năng lực ngoại ngữ chung được quy định bởi Bộ Giáo Dục và Đào Tạo Việt Nam.</p> <p>- Năng lực đạt được: Phát âm rõ ràng, tương đối chính xác các từ, cụm từ đã học. Nhận diện, phân loại được các chủ đề ngữ pháp một cách có hệ thống, tổng hợp các từ vựng liên quan đến các chủ đề trong bài, vận dụng, phân tích, tổng hợp các cấu trúc theo nội dung học; Sử dụng từ và cấu trúc để thành lập đoạn hội thoại ngắn, kết hợp câu để thành lập đoạn hội thoại và trình bày ngắn gọn về các chủ đề quen thuộc; sử dụng từ vựng và cấu trúc để thành lập câu, nắm vững cách sử dụng từ loại và cấu trúc để</p>	<p>Giáo trình bắt buộc Nguyễn Thị Quyết, (2018), <i>Ngữ pháp căn bản tiếng Anh trình độ A</i>, .</p> <p>Tài liệu tham khảo: 1)Raymond Murphy, (2013), <i>English Grammar in use. 130 bài ngữ pháp tiếng anh</i>, Nxb. Thời đại. 2) Cambridge ESOL, (2011), <i>Cambridge Preliminary English Test 2</i>, Cambridge University Press.</p>

TT	Mã HP	Tên HP, số TC	Mô tả nội dung học phần	Tài liệu dạy học
			<p>đặt câu, kết hợp câu thành đoạn văn ngắn theo chủ đề; tóm tắt, giải thích, thực hành làm các bài Đọc, phân tích, lựa chọn được đáp án chính xác khi Nghe; Người học nhận thức được tầm quan trọng của môn học, chấp hành các quy định của học phần, nghiêm túc, chủ động, tích cực tham gia vào các hoạt động học tập của học phần, Có khả năng sáng tạo trong quá trình học; có năng lực tự học, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ. Sẵn sàng lắng nghe tiếp thu và học hỏi từ các nguồn khác nhau; Người học đánh giá, cho ý kiến, tổng hợp, đề xuất, áp dụng kỹ năng giao tiếp khi làm việc nhóm, áp dụng các kiến thức đã học để thực hiện các nhiệm vụ, vận dụng kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin để thực hiện công việc, có kỹ năng quản lý thời gian, quản lý hoạt động của bản thân.</p>	
14	133032	Tiếng Anh 2, 3TC	<p>- Nội dung học phần: Nội dung học phần: Giới thiệu ngữ âm, ngữ pháp, từ vựng, cấu trúc tiếng Anh và rèn luyện các kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết tiếng Anh nửa đầu trình độ B1 (bậc 3/6) theo chuẩn năng lực ngoại ngữ chung được quy định bởi Bộ Giáo Dục và Đào Tạo Việt Nam.</p> <p>- Năng lực đạt được: Nhận trọng âm, âm điệu các nhóm từ, câu đã học một cách tương đối chính xác. Nhận diện, phân loại, tổng hợp được các chủ đề ngữ pháp một cách có hệ thống, phân loại, chọn lọc các từ vựng liên quan đến các chủ đề trong bài, vận dụng, phân tích, tổng hợp các cấu trúc theo nội dung học; Sử dụng từ và cấu trúc để thành lập đoạn hội thoại, kết hợp câu để thành lập đoạn hội thoại, bài thuyết trình ngắn và trình bày về các chủ đề của học phần; sử dụng từ vựng và cấu trúc để thành lập câu, nắm vững cách sử dụng từ loại và cấu trúc để đặt câu, kết hợp câu thành đoạn văn, bài văn theo chủ đề; tóm tắt, giải thích, thực hành làm các bài Đọc, kết hợp nội dung bài đọc thành ý tưởng trong bài nói và viết; phân tích, lựa chọn được đáp án chính xác khi Nghe, kết hợp nội dung bài nghe thành ý tưởng của bài nói và viết; Người học nhận thức được tầm quan trọng của môn học, chấp hành các quy định của học phần, nghiêm túc, chủ động, tích cực tham gia vào các hoạt động học tập của học phần, Có khả năng sáng tạo trong quá trình học; có năng lực tự học, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ. Sẵn sàng lắng nghe tiếp thu và học hỏi từ các nguồn khác nhau; Người học đánh giá, cho ý kiến, tổng hợp, đề xuất, áp dụng kỹ năng giao tiếp khi làm việc nhóm, áp dụng các kiến thức đã học để</p>	<p>Giáo trình bắt buộc Nguyễn Thị Quyết (2018), <i>Ngữ pháp căn bản tiếng Anh trình độ A</i>. Nhà xuất bản Thanh Hoá. (Ký hiệu HLBB2)</p> <p>Tài liệu tham khảo 1) Raymond Murphy, (2013), <i>English Grammar in use. 130 bài ngữ pháp tiếng anh</i>, Nxb. Thời đại. 2) Cambridge ESOL, (2011), <i>Cambridge Preliminary English Test 2</i>, Cambridge University Press.</p>

TT	Mã HP	Tên HP, số TC	Mô tả nội dung học phần	Tài liệu dạy học
			thực hiện các nhiệm vụ, vận dụng kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin để thực hiện công việc, có kỹ năng quản lý thời gian, quản lý hoạt động của bản thân.	
15	133033	Tiếng Anh 3, 3TC	<p>- Nội dung học phần: Nội dung học phần: Giới thiệu ngữ âm, ngữ pháp, từ vựng, cấu trúc tiếng Anh và rèn luyện các kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết tiếng Anh nửa cuối trình độ B1 (bậc 3/6) theo chuẩn năng lực ngoại ngữ chung được quy định bởi Bộ Giáo Dục và Đào Tạo Việt Nam.</p> <p>- Năng lực đạt được: Nhận trọng âm, âm điệu các nhóm từ, câu đã học một cách tương đối chính xác. Nhận diện, phân loại, tổng hợp được các chủ đề ngữ pháp một cách có hệ thống, phân loại, chọn lọc các từ vựng liên quan đến các chủ đề trong bài, vận dụng, phân tích, tổng hợp các cấu trúc theo nội dung học; Sử dụng từ và cấu trúc để thành lập đoạn hội thoại, kết hợp câu để thành lập đoạn hội thoại, bài thuyết trình ngắn và trình bày về các chủ đề của học phần; sử dụng từ vựng và cấu trúc để thành lập câu, nắm vững cách sử dụng từ loại và cấu trúc để đặt câu, kết hợp câu thành đoạn văn, bài văn theo chủ đề; tóm tắt, giải thích, thực hành làm các bài Đọc, kết hợp nội dung bài đọc thành ý tưởng trong bài nói và viết; phân tích, lựa chọn được đáp án chính xác khi Nghe, kết hợp nội dung bài nghe thành ý tưởng của bài nói và viết; Người học nhận thức được tầm quan trọng của môn học, chấp hành các quy định của học phần, nghiêm túc, chủ động, tích cực tham gia vào các hoạt động học tập của học phần, Có khả năng sáng tạo trong quá trình học; có năng lực tự học, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ. Sẵn sàng lắng nghe tiếp thu và học hỏi từ các nguồn khác nhau; Người học đánh giá, cho ý kiến, tổng hợp, đề xuất, áp dụng kỹ năng giao tiếp khi làm việc nhóm, áp dụng các kiến thức đã học để thực hiện các nhiệm vụ, vận dụng kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin để thực hiện công việc, có kỹ năng quản lý thời gian, quản lý hoạt động của bản thân.</p>	<p>Giáo trình bắt buộc Clive Oxenden, Christina Latham-Koenig and Paul Seligson (2011), <i>English File-Pre-intermediate 3rd edition</i>, Oxford University Press.</p> <p>Tài liệu tham khảo: 1)\Cambridge ESOL (2011), <i>Cambridge Preliminary English Test 5</i>, Cambridge University Press 2)Cambridge ESOL (2015), <i>Cambridge Preliminary English Test 6</i>, Cambridge University Press</p>
IV	Khoa học tự nhiên – công nghệ (8TC)			
16	114025	Toán cao cấp, 2TC	<p>- Nội dung học phần: Học phần bao gồm các kiến thức cơ bản về ma trận, các phương pháp tính định thức và cách giải hệ phương trình tuyến tính; không gian vectơ và ánh xạ tuyến tính; phép tính vi phân và tích phân của hàm số.</p> <p>- Năng lực đạt được: Giải thành thạo các bài toán về phương trình ma trận, các phép toán trên ma trận; tính thành thạo định thức.</p>	<p>Giáo trình bắt buộc Nguyễn Đình Trí (chủ biên) - Tạ Văn Đĩnh - Nguyễn Hồ Quỳnh (2013), <i>Toán học cao cấp, tập 1, tập 2, tập 3</i>, NXB Giáo dục.</p>

TT	Mã HP	Tên HP, số TC	Mô tả nội dung học phần	Tài liệu dạy học
			<p>Vận dụng các kiến thức về ma trận và định thức vào giải các hệ phương trình tuyến tính. Tính thành thạo các bài toán cơ bản về đạo hàm và tích phân.</p> <p>Giải thành thạo các bài tập cơ bản liên quan đến các tính chất về phép tính vi phân của hàm nhiều biến và vận dụng vào giải các bài toán liên quan đến chuyên ngành học. Thể hiện được khả năng phát hiện và giải quyết vấn đề, có khả năng làm việc độc lập.</p>	<p>Tài liệu tham khảo:</p> <p>1) Nguyễn Duy Thuận (Chủ biên) - Phí Mạnh Ban, Nông Quốc Chính (2003). <i>Đại số tuyến tính</i>, NXB Đại học Sư phạm.</p> <p>2) Nguyễn Tiến Quang, Lê Đình Nam (2014). <i>Cơ sở Đại số tuyến tính</i>, (Dùng cho sinh viên các trường đại học và cao đẳng kỹ thuật), NXB Giáo dục Việt Nam.</p>
17	114005	Xác suất thống kê, 3 TC	<p>- Nội dung học phần: Sự kiện ngẫu nhiên, sự kiện sơ cấp, không gian sự kiện sơ cấp, khái niệm xác suất, các tính chất của xác suất, biến ngẫu nhiên, hàm phân phối của biến ngẫu nhiên, các tính chất của hàm phân phối, các số đặc trưng, luật số lớn, định lý giới hạn trung tâm; một số vấn đề thống kê toán học: mẫu ngẫu nhiên, ước lượng tham số, kiểm định giả thuyết thống kê, (kiểm định về trung bình, kiểm định về xác suất, ...)</p> <p>- Năng lực đạt được:</p> <p>Giải thành thạo các bài toán xác suất nhờ sử dụng các công thức xác suất: công thức cộng, công thức nhân, công thức xác suất đầy đủ, công thức xác suất Bayes, ...</p> <p>Tính toán thành thạo các bài toán liên quan đến đại lượng ngẫu nhiên, vecto ngẫu nhiên và vận dụng vào giải một số bài toán thực tế</p> <p>Giải thành thạo các bài toán cơ bản về ước lượng tham số, kiểm định giả thiết thống kê trong những tình huống cụ thể.</p> <p>Biết cách tìm hệ số tương quan, giải được bài toán dự đoán và vận dụng vào thực tế.</p> <p>Vận dụng các kỹ năng sáng tạo và kỹ năng phản biện khoa học để tư vấn và chuyển giao tiến bộ kỹ thuật vào thực tiễn chuyên ngành học; Thể hiện được khả năng nghiên cứu khoa học và làm việc độc lập.</p>	<p>Giáo trình bắt buộc</p> <p>Đào Hữu Hồ (2001), <i>Xác suất và Thống kê</i>, NXB Đại học Quốc gia HN</p> <p>Tài liệu tham khảo:</p> <p>1) Phạm Văn Kiều, Lê Thiên Hương (2001), <i>Xác suất thống kê</i>, NXB GD.</p> <p>2) Tông Đình Quý (2000), <i>Hướng dẫn giải bài tập xác suất thống kê</i>, NXB GD.</p>
18	172555	Công nghệ số, 3TC	<p>- Nội dung học phần:</p> <p>Học phần Công nghệ số gồm các nội dung: Kiến thức, kỹ năng cơ bản về sử dụng công nghệ thông tin trong thế giới hiện đại và ứng dụng công nghệ thông tin vào việc chuyển đổi số.</p>	<p>Giáo trình bắt buộc</p> <p>Lê Thị Hồng, Phạm Thế Anh, Nguyễn Thế Cường, Phạm Thị Hồng (2020), <i>Tin học căn bản</i>, NXB Khoa</p>

TT	Mã HP	Tên HP, số TC	Mô tả nội dung học phần	Tài liệu dạy học
			<p>- Năng lực đạt được: Sử dụng và quản lý các phương tiện công nghệ thông tin và truyền thông; Giải quyết vấn đề với sự hỗ trợ của công nghệ số; Ứng dụng công nghệ số trong việc học, tự học và trong công việc; Ứng xử phù hợp trong môi trường số; Hợp tác trong môi trường số.</p>	<p>học và Kỹ thuật. Tài liệu tham khảo: Bộ Thông tin và truyền thông (2021), <i>Cẩm nang chuyển đổi số</i>, Nhà xuất bản Thông tin và truyền thông.</p>
V	Giáo dục thể chất (4TC)			
191004		Giáo dục thể chất 1	<p>- Nội dung học phần: Kiến thức cơ bản về giáo dục thể chất trong trường Đại học; lịch sử hình thành và phát triển, lợi ích, tác dụng, một số điều luật cơ bản, phương pháp tập luyện, hoạt động ngoại khóa; bài tập thể dục phát triển chung tay không 9 động tác; lịch sử hình thành và phát triển, nguyên lý kỹ thuật động tác môn đá cầu.</p> <p>- Năng lực đạt được: Hiểu được kiến thức cơ bản về giáo dục thể chất trong trường đại học; lịch sử hình thành và phát triển, lợi ích, tác dụng, một số điều luật cơ bản, phương pháp tập luyện và tổ chức tập luyện thi đấu, hoạt động ngoại khóa bài thể dục phát triển chung tay không 9 động tác và kỹ thuật môn đá cầu. Rèn luyện thể lực chung và chuyên môn cho người học; Có kỹ năng thực hiện chính xác bài Thể dục phát triển chung tay không 9 động tác và kỹ năng thực hiện tốt kỹ thuật đá cầu; Vận dụng vận dụng các kiến thức lý luận bài tập Thể dục phát triển chung tay không 9 động tác và môn Đá cầu.vào quá trình học tập và tập luyện ngoại khóa nhằm nâng cao năng lực vận động và thể lực góp phần tham gia các hoạt động học tập khác trong trường học ở các điều kiện khác nhau; Tổ chức các hoạt động học tập và tập luyện ngoại khóa nhằm nâng cao năng lực vận động và thể lực chung, nhằm phát triển toàn diện, phát triển các tố chất vận động và khả năng hoạt động thể lực; Sinh viên có thái độ nghiêm túc chấp hành đúng nội quy, quy chế lớp học; tích cực thực hiện tốt nội dung học tập, năng động sáng tạo và nghiêm túc trong các giờ học thực hành cũng như lý thuyết; Tinh thần vượt khó vươn lên trong học tập đặc biệt là trong các giờ học có các kỹ thuật động tác khó và hiểu rõ ý nghĩa, tầm quan trọng của việc tập luyện các môn TDTT. Hình thành thái độ đúng đắn đối với việc học tập nhằm phát triển cao về trí tuệ, cường tráng về thể chất.</p>	<p>Giáo trình bắt buộc Đông Văn Triệu, Lê Anh Thơ (2000), <i>Lý luận và phương pháp giảng dạy giáo dục thể chất trong trường học</i>, NXB TDTT, Hà Nội</p> <p>Tài liệu tham khảo: 1) Nguyễn Xuân Sinh (2009), <i>Thể dục</i>, Nxb TDTT, Hà Nội. 2) Đặng Ngọc Quang (2003), <i>Giáo trình Đá cầu</i>, NXB ĐHSP.</p>

TT	Mã HP	Tên HP, số TC	Mô tả nội dung học phần	Tài liệu dạy học
<i>Chọn 1 trong 5 học phần</i>				
	191031	Bóng chuyền	<p>- Nội dung học phần: Các nội dung về lý thuyết bao gồm: Ý nghĩa tác dụng, lịch sử phát triển môn bóng chuyền; các kỹ thuật bóng chuyền; Luật thi đấu môn bóng chuyền. Các nội dung về thực hành: Kỹ thuật cơ bản môn bóng chuyền (Tur thể chuẩn bị, các kỹ thuật di chuyển, chuyền bóng thấp tay (đệm bóng) trước mặt, phát bóng trước mặt, chuyền bóng cáo tay trước mặt, chắn bóng và đập bóng).</p> <p>- Năng lực đạt được: Hiểu được kiến thức cơ bản về: ý nghĩa tác dụng, lịch sử phát triển môn bóng chuyền; các nguyên lý, nguyên lý kỹ thuật, yếu lĩnh động tác môn Bóng chuyền: Tur thể chuẩn bị, các kỹ thuật di chuyển, chuyền bóng thấp tay trước mặt, phát bóng thấp tay, cao tay trước mặt và luật thi đấu bóng chuyền; Có kỹ năng thực hiện chính xác các kỹ thuật của môn bóng chuyền: Tur thể chuẩn bị và di chuyển trong bóng chuyền, Kỹ thuật chuyền bóng, Kỹ thuật phát bóng; Biết vận dụng vận dụng các kiến thức và kỹ thuật cơ bản của môn bóng chuyền để rèn luyện giáo dục thể chất vào cuộc sống hàng ngày và trong nghề nghiệp sau này; Tổ chức các hoạt động học tập và tập luyện ngoại khóa nhằm nâng cao năng lực vận động và thể lực chung, nhằm phát triển toàn diện, phát triển các tố chất vận động và khả năng hoạt động thể lực; Sinh viên có thái độ nghiêm túc chấp hành đúng nội quy, quy chế lớp học; tích cực thực hiện tốt nội dung học tập, năng động sáng tạo và nghiêm túc trong các giờ học thực hành cũng như lý thuyết; Tinh thần vượt khó vươn lên trong học tập đặc biệt là trong các giờ học có các kỹ thuật động tác khó và hiểu rõ ý nghĩa, tầm quan trọng của việc tập luyện các môn TDTT. Hình thành thái độ đúng đắn đối với việc học tập nhằm phát triển cao về trí tuệ, cường tráng về thể chất.</p>	<p>Giáo trình bắt buộc Nguyễn Việt Minh (Chủ biên), Hồ Đắc Sơn (2007), <i>Giáo trình Bóng chuyền</i>, NXB ĐHSP</p> <p>Tài liệu tham khảo: 1) Ủy ban TDTT (2007), <i>Luật bóng chuyền-Bóng chuyền bãi biển</i>, NXB, TDTT. 2) Đinh Văn Lãm (Chủ biên) (2006), <i>Giáo trình Bóng chuyền</i>, NXB TDTT, Hà Nội.</p>
	191032	Thể dục Aerobic	<p>- Nội dung học phần: Thực hành kỹ thuật cơ bản môn thể dục aerobic, kiến thức, kỹ năng về thực hành bao gồm: Các tư thế cơ bản của tay, các bước cơ bản chân, nhóm độ khó, thấp, đội hình và bài liên kết thể dục aerobic. Qua đó sinh viên biết cách tập luyện môn aerobic, góp phần nâng cao sức khỏe, thực hiện mục tiêu giáo dục giáo dục toàn diện.</p> <p>- Năng lực đạt được:</p>	<p>Giáo trình bắt buộc Đinh Khánh Thu (2014), <i>Giáo trình Thể dục Aerobic</i>, NXB TDTT HN.</p> <p>Tài liệu tham khảo: 1) Nguyễn Xuân Sinh, Lê Văn Lãm, Trần Phúc Phong, Trương Anh Tuấn (2009) <i>Thể dục</i>, NXB TDTT HN.</p>

TT	Mã HP	Tên HP, số TC	Mô tả nội dung học phần	Tài liệu dạy học
			<p>Sinh viên hiểu được kiến thức cơ bản về môn Thể dục Aerobic và biết vận dụng các kiến thức về môn Thể dục Aerobic vào quá trình học tập và rèn luyện sức khỏe; Kỹ năng thực hiện kỹ thuật động tác trong môn Thể dục Aerobic chính xác, đúng nhịp và nhạc; Vận dụng các kiến thức và kỹ thuật cơ bản của môn Thể dục Aerobic để rèn luyện giáo dục thể chất vào cuộc sống hàng ngày phục vụ mục tiêu rèn luyện sức khỏe và thẩm mỹ; Tổ chức các hoạt động học tập và tập luyện ngoại khóa nhằm nâng cao năng lực vận động và thể lực chung, nhằm phát triển toàn diện, phát triển các tố chất vận động và khả năng hoạt động thể lực; Sinh viên có thái độ nghiêm túc chấp hành đúng nội quy, quy chế lớp học; tích cực thực hiện tốt nội dung học tập, năng động sáng tạo và nghiêm túc trong các giờ học thực hành cũng như lý thuyết; Tinh thần vượt khó vươn lên trong học tập đặc biệt là trong các giờ học có các kỹ thuật động tác khó và hiểu rõ ý nghĩa, tầm quan trọng của việc tập luyện các môn TDTT. Hình thành thái độ đúng đắn đối với việc học tập nhằm phát triển cao về trí tuệ, cường tráng về thể chất.</p>	<p>2) Đặng Quốc Nam (2014), <i>Thể dục tập I, II</i>, NXB TDTT.</p>
191033		Bóng đá	<p>- Nội dung học phần: Học phần cung cấp những nội dung kiến thức cơ bản của môn Bóng đá gồm: Lịch sử hình thành và phát triển; luật thi đấu; nguyên lý, kỹ thuật cơ bản (Các kỹ thuật đá bóng, Chiến thuật tấn công, Chiến thuật phòng thủ, phương pháp giảng dạy, phương pháp tổ chức tập luyện và trọng tài).</p> <p>- Năng lực đạt được: Hiểu được kiến thức cơ bản về: ý nghĩa tác dụng, lịch sử phát triển môn bóng chuyên; các nguyên lý, nguyên lý kỹ thuật, yếu lĩnh động tác môn Bóng đá: Tư thế chuẩn bị và di chuyển trong bóng đá, Kỹ thuật sút bóng cầu môn, Kỹ thuật chuyền bóng, Biết kỹ thuật ném biên cơ bản đứng tại chỗ và luật thi đấu bóng đá; Có kỹ năng thực hiện chính xác các kỹ thuật của môn bóng đá: Tư thế chuẩn bị và di chuyển trong bóng đá, Kỹ thuật chuyền bóng lòng trong bàn chân, Kỹ thuật sút bóng bằng mu chính diện; Biết vận dụng vận dụng các kiến thức và kỹ thuật cơ bản của môn bóng đá để rèn luyện giáo dục thể chất vào trong cuộc sống hàng ngày; Tổ chức các hoạt động học tập và tập luyện ngoại khóa nhằm nâng cao năng lực vận động và thể lực chung, nhằm phát triển toàn diện, phát triển các tố chất vận động và khả năng hoạt động thể lực; Sinh viên có thái độ nghiêm túc chấp hành đúng nội quy, quy chế lớp học; tích cực thực hiện tốt nội dung học tập, năng</p>	<p>Giáo trình bắt buộc Trần Đức Dũng (2007), <i>Giáo trình Bóng Đá</i>, NXB Thể dục thể thao Hà Nội.</p> <p>Tài liệu tham khảo: 1) Ủy ban TDTT, <i>Luật Bóng đá sân 5,11 người</i>, NXB TDTT. 2) Phạm Quang (2007), <i>Giáo trình Bóng đá</i>, NXB TDTT Hà Nội.</p>

TT	Mã HP	Tên HP, số TC	Mô tả nội dung học phần	Tài liệu dạy học
			<p>động sáng tạo và nghiêm túc trong các giờ học thực hành cũng như lý thuyết; Tinh thần vượt khó vươn lên trong học tập đặc biệt là trong các giờ học có các kỹ thuật động tác khó và hiểu rõ ý nghĩa, tầm quan trọng của việc tập luyện các môn TDTT. Hình thành thái độ đúng đắn đối với việc học tập nhằm phát triển cao về trí tuệ, cường tráng về thể chất.</p>	
	191034	Bóng rổ	<p>- Nội dung học phần: Học phần cung cấp những nội dung kiến thức cơ bản của môn Bóng rổ bao gồm: Lịch sử hình thành và phát triển; luật thi đấu; nguyên lý, kỹ thuật cơ bản môn bóng rổ (Tu thế chuẩn bị, kỹ thuật di chuyển, kỹ thuật chuyền bóng, kỹ thuật bắt bóng, kỹ thuật tại chỗ ném rổ, kỹ thuật di chuyển hai bước ném rổ, Chiến thuật tấn công, Chiến thuật phòng thủ , phương pháp giảng dạy); phương pháp tổ chức thi đấu trọng tài; các bài tập thể lực chung và thể lực chuyên môn bóng rổ.</p> <p>- Năng lực đạt được: Hiểu được kiến thức cơ bản về: Ý nghĩa tác dụng, lịch sử phát triển môn bóng rổ; các nguyên lý, nguyên lý kỹ thuật, yếu lĩnh động tác môn Bóng rổ; Tư thế chuẩn bị, các kỹ thuật di chuyển, chuyền bóng trước mặt, cao tay trước mặt; Thành thạo một số điều luật cơ bản, phương pháp tập luyện, kỹ năng hoàn thành thuần thực chính xác, thực hiện tốt kỹ thuật và tổ chức tập luyện môn bóng rổ; Biết vận dụng vận dụng các kiến thức và kỹ thuật cơ bản của môn bóng rổ để rèn luyện giáo dục thể chất vào cuộc sống hàng ngày và trong nghề nghiệp sau này; Tổ chức các hoạt động học tập và tập luyện ngoại khóa nhằm nâng cao năng lực vận động và thể lực chung, nhằm phát triển toàn diện, phát triển các tố chất vận động và khả năng hoạt động thể lực; Sinh viên có thái độ nghiêm túc chấp hành đúng nội quy, quy chế lớp học; tích cực thực hiện tốt nội dung học tập, năng động sáng tạo và nghiêm túc trong các giờ học thực hành cũng như lý thuyết; Tinh thần vượt khó vươn lên trong học tập đặc biệt là trong các giờ học có các kỹ thuật động tác khó và hiểu rõ ý nghĩa, tầm quan trọng của việc tập luyện các môn TDTT. Hình thành thái độ đúng đắn đối với việc học tập nhằm phát triển cao về trí tuệ, cường tráng về thể chất.</p>	<p>Giáo trình bắt buộc Nguyễn Hữu Bằng, Đỗ Mạnh Hưng (2007), <i>Giáo trình Bóng rổ</i>, NXB ĐHSP.</p> <p>Tài liệu tham khảo: 1) Ủy ban thể dục thể thao (2006), <i>Luật thi đấu Bóng rổ</i>, NXB TDTT. 2) Lê Trọng Đồng, Nguyễn Văn Trường (2019), <i>Giáo trình bóng rổ</i>, NXB ĐH Thái Nguyên.</p>
	191035	Vovinam - Việt võ đạo	<p>- Nội dung học phần: Học phần bao gồm những nội dung, kiến thức cơ bản về môn VOVINAM như: Lý luận chung về chân thương TDTT và lý thuyết môn Vovinam – Việt võ đạo,</p>	<p>Giáo trình bắt buộc Lê Quốc Ân, Võ sư Nguyễn Văn Chiếu (2008), <i>Kỹ thuật Vovinam - Việt</i></p>

TT	Mã HP	Tên HP, số TC	Mô tả nội dung học phần	Tài liệu dạy học
			<p>nguồn gốc, sự hình thành và phát triển môn phái Vovinam; Các kỹ thuật động tác cơ bản về trung bình tấn, đỉnh tấn, chảo mã tấn, hạc tấn (Độc cước tấn) và Hồi tấn cũng như các đòn đâm và đòn đá, các bài tập thể lực trong Vovinam từ đó tập luyện về quyền pháp (long hổ quyền); Các nguyên lý cơ bản, nguyên lý kỹ thuật; phương pháp giảng dạy; phương pháp tổ chức tập luyện của môn vovinam.</p> <p>- Năng lực đạt được: Hiểu được kiến thức cơ bản về: Lý luận chung về chấn thương TDTT và lý thuyết môn Vovinam – Việt võ đạo, nguồn gốc, sự hình thành và phát triển môn phái Vovinam; Các kỹ thuật động tác cơ bản về trung bình tấn, đỉnh tấn, chảo mã tấn, hạc tấn (Độc cước tấn) và Hồi tấn cũng như các đòn đâm và đòn đá, các bài tập thể lực trong Vovinam từ đó tập luyện về quyền pháp; Thực hiện chính xác các kỹ thuật động tác của môn Vovinam: Tư thế chuẩn bị và các kỹ thuật động tác cơ bản trung bình tấn; chảo mã tấn; đỉnh tấn và hạc tấn cũng như các đòn đâm và đòn đá; quyền pháp; các bài tập thể lực; Biết vận dụng vận dụng các kiến thức và kỹ thuật cơ bản của môn Vovinam để rèn luyện giáo dục thể chất vào cuộc sống hàng ngày và trong nghề nghiệp sau này; Tổ chức các hoạt động học tập và tập luyện ngoại khóa nhằm nâng cao năng lực vận động và thể lực chung, nhằm phát triển toàn diện, phát triển các tố chất vận động và khả năng hoạt động thể lực; Sinh viên có thái độ nghiêm túc chấp hành đúng nội quy, quy chế lớp học; tích cực thực hiện tốt nội dung học tập, năng động sáng tạo và nghiêm túc trong các giờ học thực hành cũng như lý thuyết; Tinh thần vượt khó vươn lên trong học tập đặc biệt là trong các giờ học có các kỹ thuật động tác khó và hiểu rõ ý nghĩa, tầm quan trọng của việc tập luyện các môn TDTT. Hình thành thái độ đúng đắn đối với việc học tập nhằm phát triển cao về trí tuệ, cường tráng về thể chất.</p>	<p>võ đạo (VVN-VVD) tập 1, NXB TDTT. Tài liệu tham khảo: 1) Nguyễn Chánh Tứ (2014). <i>Phòng ngừa chấn thương trong tập luyện và thi đấu Vovinam – Việt võ đạo (VVN-VVD)</i> 2) Nguyễn Chánh Tứ (2014), <i>Vovinam phân thể Nhu khí công quyền</i> 2, NXB TDTT HN.</p>
VI	Giáo dục quốc phòng (165 tiết)			
		Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng cộng sản Việt Nam, 45	<p>- Nội dung học phần: Học phần gồm những kiến thức cơ bản về quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc và những vấn đề cơ bản về lịch sử nghệ thuật quân sự Việt Nam; chủ trương, đường lối của Đảng và Nhà nước ta về xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, xây dựng thế trận chiến tranh nhân dân, xây dựng lực lượng vũ trang cách</p>	<p>Giáo trình bắt buộc Đào Huy Hiệp (2012), <i>Giáo trình Giáo dục quốc phòng - an ninh</i> (dùng cho sinh viên đại học, cao đẳng) tập 1, NXB Giáo dục. Tài liệu tham khảo:</p>

TT	Mã HP	Tên HP, số TC	Mô tả nội dung học phần	Tài liệu dạy học
		tiết	<p>mạng, gắn kết kinh tế - xã hội với quốc phòng- an ninh và đối ngoại, xây dựng và bảo vệ chủ quyền biển, đảo, biên giới quốc gia, về xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc, bảo vệ an ninh quốc gia và giữ gìn trật tự an toàn xã hội.</p> <p>- Năng lực đạt được:</p> <p>Có hệ thống tri thức tương đối toàn diện về lý luận chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc; về quan điểm, đường lối của Đảng và Nhà nước có liên quan trực tiếp đến nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa; Vận dụng chủ trương, đường lối của Đảng về bảo vệ Tổ quốc với tình hình thực tiễn gắn với trách nhiệm bản thân trong quá trình tu dưỡng, rèn luyện và tham gia các phong trào hành động cách mạng; Phát huy và đề cao trách nhiệm công dân, gương mẫu trong nhận thức và hành động, kiên quyết đấu tranh với những biểu hiện sai trái, lệch lạc; sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, bảo vệ Tổ quốc.</p>	<p>1) Bộ Giáo dục và Đào tạo (2017), <i>Giáo trình Học thuyết Mác - Lênin về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc</i>, NXB Giáo dục Việt Nam.</p> <p>2) Lê Ngọc Cường, Lê Doãn Thuật, Tạ Ngọc Vãng (2014), <i>Giải thích từ ngữ giáo dục quốc phòng - an ninh</i>, NXB Giáo dục Việt Nam.</p>
		Công tác quốc phòng và an ninh, 30 tiết	<p>- Nội dung học phần:</p> <p>Học phần cung cấp cho sinh viên những nội dung cơ bản về: Phòng chống chiến lược “Diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam; Một số nội dung cơ bản về dân tộc, tôn giáo và đấu tranh phòng chống địch lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam; Phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường, bảo đảm trật tự an toàn giao thông và phòng, chống một số loại tội phạm xâm hại danh dự, nhân phẩm của người khác; An toàn thông tin và phòng, chống vi phạm pháp luật trên không gian mạng; An ninh phi truyền thống và các mối đe dọa an ninh phi truyền thống ở Việt Nam.</p> <p>- Năng lực đạt được:</p> <p>Có hệ thống tri thức về âm mưu, thủ đoạn của kẻ thù đối với cách mạng Việt Nam, hiểu biết cơ bản về các mối đe dọa an ninh phi truyền thống và một số loại vi phạm pháp luật phổ biến trong bối cảnh hiện nay; Có kỹ năng phân tích, tổng hợp, biết liên hệ, vận dụng chủ trương, đường lối của Đảng về quốc phòng, an ninh và bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới gắn với trách nhiệm bản thân trong quá trình tu dưỡng, rèn luyện và tham gia các phong trào hành động cách mạng; Phát huy và đề cao trách nhiệm công dân, gương mẫu trong nhận thức và hành động, kiên quyết đấu tranh với những biểu hiện sai trái, lệch lạc; sẵn sàng thực</p>	<p>Giáo trình bắt buộc</p> <p>Đào Huy Hiệp (2012), <i>Giáo trình giáo dục quốc phòng an ninh tập 1</i>, NXB Giáo dục.</p> <p>Tài liệu tham khảo:</p> <p>1) Bộ Giáo dục và Đào tạo (2017), <i>Tài liệu tập huấn cán bộ quản lý giáo viên, giảng viên giáo dục quốc phòng và an ninh</i>.</p> <p>2) Lê Ngọc Cường, Lê Doãn Thuật, Tạ Ngọc Vãng (2014), <i>Giải thích từ ngữ giáo dục quốc phòng - an ninh</i>, NXB Giáo dục.</p>

TT	Mã HP	Tên HP, số TC	Mô tả nội dung học phần	Tài liệu dạy học
			hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, bảo vệ Tổ quốc.	
		Quân sự chung 30 tiết	<p>- Nội dung học phần: Nội dung học phần gồm: Chế độ học tập, sinh hoạt, công tác trong ngày, trong tuần. Các chế độ nền nếp chính quy, bố trí trật tự nội vụ trong doanh trại, các động tác về điều lệnh đội ngũ; kiến thức về quân, binh chủng trong quân đội nhân dân Việt Nam, bản đồ quân sự, cách phòng tránh địch tiến công hỏa lực bằng vũ khí công nghệ cao.</p> <p>- Năng lực đạt được: Nắm vững được nội dung, thuần thục động tác, có ý thức tổ chức kỷ luật cao, vận dụng tích cực trong sinh hoạt tập thể tại nhà trường; Tư thế, tác phong nhanh nhẹn, ý thức tổ chức kỷ luật cao, biết vận dụng một cách linh hoạt vào trong quá trình học tập. Có kỹ năng sống trong học tập, công tác theo tác phong quân sự, phát triển khả năng tư duy sáng tạo trong hoạt động quân sự; Có ý thức tổ chức kỷ luật, tinh thần tự giác, trách nhiệm trong việc chấp hành các nội quy của Trung tâm GDQPAN góp phần xây dựng nhà trường vững mạnh. Có ý thức học tập và rèn luyện, thành thạo sử dụng các loại vũ khí trang bị, xây dựng lòng tin vào vũ khí trang bị hiện có, đáp ứng tốt nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.</p>	<p>Giáo trình bắt buộc 1 Nguyễn Đức Đăng (2012), <i>Giáo trình giáo dục quốc phòng - an ninh, tập 2</i>, NXB Giáo dục Việt Nam.</p> <p>Tài liệu tham khảo: 1) BGD&ĐT, Vụ giáo dục quốc phòng (2005), <i>Giáo trình giáo dục quốc phòng Đại học, Cao đẳng, tập 1, Quân sự chung</i>, (dùng cho đào tạo giảng viên giáo dục quốc phòng). 2) Bộ quốc phòng (2015), <i>Điều lệnh đội ngũ quân đội nhân dân Việt Nam</i>, NXB Quân đội nhân dân.</p>
		Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật, 60 tiết	<p>- Nội dung học phần: Nội dung học phần kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật gồm: Kỹ thuật chiến đấu bộ binh, chiến thuật từng người trong chiến đấu tiến công, phòng ngự và làm nhiệm vụ canh gác, sử dụng súng tiểu liên AK và lựu đạn.</p> <p>- Năng lực đạt được: Nắm chắc nội dung, thuần thục động tác có ý thức tổ chức kỷ luật cao vận dụng tích cực trong sinh hoạt tập thể tại Trung tâm và nhà trường; Tư thế, tác phong nhanh nhẹn, nghiêm túc, ý thức tổ chức kỷ luật cao, biết vận dụng một cách linh hoạt vào trong quá trình học tập. Thuần thục và thành thạo tư thế, động tác nắm chuẩn bị bắn súng tiểu liên AK; Có ý thức học tập và rèn luyện, tổ chức kỷ luật, tinh thần tự giác, trách nhiệm trong việc chấp hành các nội quy của Trung tâm GDQPAN góp phần xây dựng nhà trường vững mạnh đáp ứng tốt nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.</p>	<p>Giáo trình bắt buộc Nguyễn Đức Đăng (2012), <i>Giáo trình giáo dục quốc phòng và an ninh tập 2</i>, NXB Giáo dục Việt Nam.</p> <p>Tài liệu tham khảo: Bộ Tổng Tham Mưu, Cục Quân huấn (2012), <i>Giáo trình huấn luyện kỹ thuật chiến đấu bộ binh, tập 1</i>, NXB Quân đội nhân dân Việt Nam.</p>

TT	Mã HP	Tên HP, số TC	Mô tả nội dung học phần	Tài liệu dạy học
B	KHỐI KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP (83TC)			
I	Kiến thức cơ sở (20TC)			
19	151050	Kinh tế vi mô, 3TC	<p>- Nội dung học phần: trúc thị trường, những thất bại của thị trường và vai trò điều tiết của Chính phủ trong nền kinh tế thị trường. Học xong môn học người học có đủ năng lực thực hiện các công việc như: Phân tích cung cầu hàng hóa trên thị trường, phân tích được hành vi của người tiêu dùng, hành vi DN; có thể ra quyết định trong sản xuất kinh doanh sao cho tối đa hóa các mục tiêu.</p> <p>- Năng lực đạt được: Có khả năng vận dụng các lý thuyết hành vi người tiêu dùng, hành vi doanh nghiệp trong tiêu dùng và trong sản xuất kinh doanh; Có khả năng phân tích các chỉ tiêu kinh tế, Tự xây dựng được phương án sản xuất kinh doanh cho phù hợp với ngành nghề và thị trường; Lập kế hoạch và điều phối, phát huy trí tuệ tập thể để tối đa hóa mục tiêu của các tác nhân kinh tế; Có kỹ năng cơ bản trong: lựa chọn tiêu dùng nhằm tối ưu hóa lợi ích trong giới hạn ngân sách... Phân tích được cung cầu hàng hóa trên thị trường; phân tích hành vi của người tiêu dùng,.. Rèn luyện được thói quen, phong cách làm việc khoa học, nghiêm túc và có ý thức trong hoạt động tự học.</p>	<p>Giáo trình bắt buộc Nguyễn Văn Dân, Nguyễn Hồng Nhung (2020), <i>Giáo trình Kinh tế vi mô I</i>, NXB Tài Chính</p> <p>Tài liệu tham khảo: 1) Vũ Kim Dũng, Nguyễn Văn Công (2018), <i>Giáo trình kinh tế học tập 1</i>, NXB ĐHKQTĐ 2) Tôn Hoàng Thanh Huế, Đỗ Thị Mẫn (2020), <i>Câu hỏi và bài tập Kinh tế vi mô</i>, NXB ĐHKQTĐ</p>
20	151061	Kinh tế vĩ mô, 3TC	<p>- Nội dung học phần: và mức giá của nền kinh tế; mô tả hành vi của nền kinh tế trong dài hạn: Các nhân tố quy định tăng trưởng kinh tế, thất nghiệp và lạm phát trong dài hạn; giới thiệu những tư tưởng trung tâm về tổng cung, tổng cầu và cân bằng kinh tế vĩ mô và vận dụng chính sách tài khóa, chính sách tiền tệ, tỷ giá hối đoái và chính sách thương mại vào mô hình nền kinh tế đóng và nền kinh tế mở.</p> <p>- Năng lực đạt được: Sinh viên hiểu được phương thức điều tiết kinh tế của chính phủ và các chính sách của nhà nước nhằm ổn định nền kinh tế. Tính toán các chỉ tiêu GDP, GNP trong một quốc gia từ đó có những đánh giá về sự thay đổi của quốc gia trong từng năm; Hiểu rõ khái niệm và xây dựng được mô hình tổng cầu trong nền KT, viên hiểu và giải thích được ngân hàng nhà nước làm thế nào để tạo ra tiền và các chính sách NHTW, có kiến thức về tỷ lệ lạm phát và thất nghiệp; mối quan hệ giữa lạm phát và thất nghiệp, Rèn luyện được tư duy khoa học trong phân tích vấn đề.</p>	<p>Giáo trình bắt buộc Nguyễn Văn Dân, Đỗ Thị Thục (2018), <i>Giáo trình Kinh tế vĩ mô I</i>, NXB Tài Chính.</p> <p>Tài liệu tham khảo: Vũ Kim Dũng và Nguyễn Văn Công (2017), <i>Giáo trình kinh tế học tập 2</i>, NXB ĐHKQTĐ</p>
21		Nguyên lý	- Nội dung học phần:	Giáo trình bắt buộc

TT	Mã HP	Tên HP, số TC	Mô tả nội dung học phần	Tài liệu dạy học
		thống kê, 3TC	<p>Học phần cung cấp một cách có hệ thống các phương pháp điều tra thống kê, hình thức thu thập thông tin ban đầu về các hiện tượng kinh tế xã hội và việc xử lý các thông tin đã thu thập. Trang bị các phương pháp tính toán hệ thống chỉ tiêu phân tích kinh tế xã hội làm cơ sở cho dự đoán mức độ hiện tượng trong tương lai. Vận dụng hệ thống chỉ số nhằm phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến tình hình phát triển sản xuất - kinh doanh - dịch vụ, phát triển kinh tế - xã hội. Cung cấp dữ liệu cần thiết, làm cơ sở cho việc ra các quyết định ở tầm vĩ mô và vi mô. Đây là các nội dung cơ bản mà người học cần phải nghiên cứu để vận dụng trong một số môn học khác và trong thực tế.</p> <p>- Năng lực đạt được:</p> <p>Sinh viên nắm được một số khái niệm cơ bản về thống kê học; các giai đoạn của một quá trình nghiên cứu thống kê; Phân biệt được các loại điều tra thống kê, điều kiện áp dụng của từng loại; cách thức phân tổ thống kê; công thức tính các mức độ của hiện tượng kinh tế - xã hội; và vận dụng các phương pháp phân tích số liệu thống kê vào thực tiễn. : Phát triển kỹ năng làm việc theo nhóm: hình thành nhóm, vận hành, lãnh đạo nhóm. Đồng thời, có khả năng tư duy và làm việc độc lập; có khả năng hòa nhập và thích ứng với môi trường nghề nghiệp; và phát triển kỹ năng tính toán, tư duy lập kế hoạch và ra quyết định trong lĩnh vực kinh tế. Xác định được mục tiêu, xây dựng và thực hiện điều tra thống kê về các hiện tượng kinh tế-xã hội; Xử lý thành thạo và hiệu quả các phương pháp tính toán hệ thống chỉ tiêu phân tích các hiện tượng kinh tế-xã hội làm cơ sở cho dự đoán các mức độ của hiện tượng kinh tế-xã hội trong tương lai; đồng thời cung cấp các dữ liệu cho việc ra các quyết định ở tầm vĩ mô và vi mô. Sinh viên cần có thái độ nghiêm túc, cầu thị, tự tin sáng tạo khi tham gia học tập đối với môn học, thực hiện đầy đủ các yêu cầu mà giảng viên đưa ra đối với môn học.</p>	<p>Trần Thị Kim Thu (2016), <i>Giáo trình lý thuyết thống kê</i>, Nhà xuất bản Đại học Kinh tế Quốc dân.</p> <p>Tài liệu tham khảo:</p> <p>1) Nguyễn Thị Kim Thuý (2009), <i>Nguyên lý thống kê ứng dụng trong quản lý kinh tế và kinh doanh sản xuất dịch vụ</i>, Nhà xuất bản Thống kê.</p> <p>2) Trần Thị Kim Thu (2014), <i>Giáo trình lý thuyết thống kê</i>, Nhà xuất bản Đại học Kinh tế Quốc dân.</p>
22		Nguyên lý kế	<p>- Nội dung học phần: Học phần trang bị cho sinh viên các kiến thức và kỹ năng cơ bản về kế toán, khái niệm, bản chất, đối tượng, mục đích, chức năng, nhiệm vụ và yêu cầu của kế toán; các phương pháp kế toán; quá trình tổ chức thu thập, ghi chép số liệu kế toán. Trình tự kế toán các quá trình kinh doanh chủ yếu; Các hình thức kế toán; Nội dung và các hình thức tổ chức công tác kế toán.</p> <p>- Năng lực đạt được:</p> <p>Người học hiểu được những khái niệm cơ bản và có khả năng tổ chức lập và</p>	<p>Giáo trình bắt buộc</p> <p>Đoàn Xuân Tiên (2014), <i>Nguyên lý kế toán</i>, NXB Tài chính.</p> <p>Tài liệu tham khảo:</p> <p>1) Bộ Tài chính (2015), <i>26 chuẩn mực kế toán Việt Nam</i>, NXB Tài chính.</p> <p>2) Võ Văn Nghị (2018), <i>Hệ thống</i></p>

TT	Mã HP	Tên HP, số TC	Mô tả nội dung học phần	Tài liệu dạy học
	153105	toán, 3TC	<p>luân chuyên chứng từ kế toán tại đơn vị, tổ chức hệ thống tài khoản kế toán. Người học có khả năng tổ chức chứng từ kế toán, tổ chức hệ thống tài khoản kế toán và tổ chức sổ kế toán để kế toán quá trình mua hàng. Người học có khả năng tổ chức chứng từ kế toán, tổ chức hệ thống tài khoản kế toán và tổ chức sổ kế toán để kế toán quá trình sản xuất Người học có khả năng tổ chức chứng từ kế toán, tổ chức hệ thống tài khoản kế toán và tổ chức sổ kế toán để kế toán quá trình bán hàng. Người học có khả năng tổ chức bộ máy kế toán và tổ chức hệ thống sổ kế toán tại đơn vị. Người học có khả năng lập báo cáo kế toán (bảng cân đối kế toán dạng đơn giản) phản ánh tổng quát tình hình tài chính của đơn vị. Rèn luyện được thói quen, phong cách làm việc khoa học, nghiêm túc và có ý thức trong hoạt động tự học.</p>	<i>bài tập trắc nghiệm Nguyên lý kế toán</i> , Nhà xuất bản Tài chính.
23	152140	Tài chính tiền tệ, 3 TC	<p>- Nội dung học phần: Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản có tính hệ thống như lý luận cơ bản về tài chính và cấu trúc hệ thống tài chính; Lý luận cơ bản về tiền tệ; Những nội dung cơ bản về các khâu trong hệ thống tài chính như: khâu tài chính công, tài chính doanh nghiệp, tài chính hộ gia đình; Những vấn đề cơ bản về thị trường tài chính như thị trường chứng khoán, thị trường vốn, thị trường tiền tệ; Những nội dung cơ bản về các định chế tài chính trung gian như các ngân hàng, công ty bảo hiểm, công ty tài chính...</p> <p>- Năng lực đạt được: Nhận thức và nắm vững kiến thức cơ bản về các nội dung tài chính, tiền tệ và ngân hàng. Những nội dung cơ bản về các khâu trong hệ thống tài chính, thị trường tài chính, các định chế tài chính trung gian. Có kỹ năng vận dụng kiến thức đã học để phân tích được những lợi ích và hạn chế của các loại tiền trong lưu thông, hiểu được các khâu tài chính cơ bản trong hệ thống tài chính. Hiểu rõ nội dung các khoản thu NSNN, đánh giá được các nhân tố ảnh hưởng đến nguồn thu ngân sách nhà nước từ đó vận dụng khai thác triệt để các khoản thu NSNN. Có kỹ năng phân tích cơ bản những nội dung chủ yếu trên các báo cáo tài chính</p>	<p><i>Giáo trình bắt buộc</i> Nguyễn Văn Tiến (2011); <i>Giáo trình Tài chính – Tiền tệ</i>, NXB Thống kê.</p> <p><i>Tài liệu tham khảo:</i> 1) Nguyễn Hữu Tài (2007); <i>Giáo trình lý thuyết tài chính - tiền tệ</i>; NXB, ĐHKQTĐ 2) Phạm Ngọc Dũng; Đinh Xuân Hạng (2014); <i>Giáo trình tài chính tiền tệ</i>, NXB Tài chính.</p>

TT	Mã HP	Tên HP, số TC	Mô tả nội dung học phần	Tài liệu dạy học
			<p>doanh nghiệp</p> <p>Hiểu được nguyên lý hoạt động của ngân hàng thương mại, từ đó có thể phân loại được vốn huy động, tín dụng của ngân hàng thương mại, vận dụng kiến thức để đánh giá việc thực thi chính sách tiền tệ trong thực tế.</p> <p>Vận dụng những kiến thức cơ bản trong môn học để hình thành các kỹ năng như phân tích báo cáo tài chính, phân tích các chỉ số tài chính trong báo cáo tài chính, phân tích, đánh giá hoạt động của thị trường tài chính và các khâu trong hệ thống tài chính.</p>	
24		<p>Marketing căn bản, 3TC</p>	<p>- Nội dung học phần: Học phần trang bị cho sinh viên các kiến thức và kỹ năng cơ bản về marketing. Tổng quan về các quan điểm marketing trong doanh nghiệp; khái niệm môi trường marketing và thị trường của doanh nghiệp; Hệ thống thông tin và nghiên cứu Marketing trong doanh nghiệp; khái quát về phân đoạn thị trường và lựa chọn thị trường mục tiêu; Nhận dạng nhu cầu và hành vi của khách hàng; Chiến lược và các chính sách marketing căn bản. Người học phân tích được các nhân tố thuộc môi trường marketing vi mô và vĩ mô ảnh hưởng đến hoạt động marketing của công ty; nghiên cứu được hành vi mua hàng của người tiêu dùng, phân đoạn thị trường và lựa chọn thị trường mục tiêu cho DN mình; lập kế hoạch nghiên cứu marketing cho 1 sản phẩm cụ thể; xây dựng chiến lược sản phẩm, chiến lược giá, thiết lập kênh phân phối, xây dựng hoạt động truyền thông cho sản phẩm hoặc công ty.</p> <p>- Năng lực đạt được:</p> <p>Người học hiểu được những khái niệm cơ bản và có hệ thống về marketing trong doanh nghiệp. Phân tích được môi trường kinh doanh; cách tiến hành phân khúc thị trường, lựa chọn thị trường mục tiêu và định vị thương hiệu. Hiểu ý nghĩa, mục tiêu, vai trò và nội dung của 4P trong marketing mix; giải thích được các chiến lược giá và phương pháp điều chỉnh giá, các quyết định khi xây dựng hệ thống phân phối, đặc điểm của các công cụ xúc tiến hỗn hợp.</p> <p>Người học có thể thực hiện các các kỹ năng tổ chức các hoạt động</p>	<p>Giáo trình bắt buộc</p> <p>Trần Minh Đạo (2013), Marketing căn bản – Chủ biên, NXB Đại học kinh tế quốc dân – Hà Nội</p> <p>Tài liệu tham khảo:</p> <p>1) Nguyễn Văn Hùng (2013), Marketing căn bản, ,Nxb KT TPHCM.</p> <p>2) Philip Kotler (2006), Marketing căn bản, Nxb Thống kê</p>

TT	Mã HP	Tên HP, số TC	Mô tả nội dung học phần	Tài liệu dạy học
			<p>marketing trong doanh nghiệp, xây dựng các chiến lược marketing hỗn hợp áp dụng cho từng loại hình doanh nghiệp.</p> <p>Người học thành thạo kỹ năng lập kế hoạch, quản trị nhóm, quản trị các hoạt động marketing của doanh nghiệp.</p> <p>Rèn luyện được thói quen, phong cách làm việc khoa học, nghiêm túc và có ý thức trong hoạt động tự học.</p>	
25	197010	Luật kinh tế, 2TC	<p>- Nội dung học phần: Học phần được thiết kế kết hợp cả lý thuyết và thực hành nhằm trang bị kiến thức, kỹ năng về Luật kinh tế. Học phần tập trung vào các nội dung chính như: khái niệm ngành luật kinh tế, đối tượng điều chỉnh, phương pháp điều chỉnh của ngành luật kinh tế; chủ thể của luật kinh tế; lịch sử hình thành và phát triển các loại hình doanh nghiệp tại Việt Nam; điều kiện, trình tự thủ tục đăng ký kinh doanh đối với các loại hình doanh nghiệp, hợp tác xã; khái niệm, đặc điểm pháp lý, cơ cấu tổ chức, quản lý của từng loại hình doanh nghiệp, hợp tác xã; vấn đề tổ chức lại, giải thể doanh nghiệp; các hoạt động thương mại; quy định pháp luật về cạnh tranh; trình tự thủ tục yêu cầu tuyên bố phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã...</p> <p>- Năng lực đạt được: Trình bày, phân tích được các khái niệm, các phương pháp nghiên cứu cơ bản trong lĩnh vực pháp luật kinh tế; kiến thức pháp luật về các loại hình chủ thể kinh doanh, các hoạt động thương mại trong nền kinh tế thị trường, luật cạnh tranh, luật phá sản. Vận dụng được kiến thức pháp lý về các hoạt động thương mại, chế tài thương mại, giải quyết tranh chấp thương mại vào giải quyết các vấn đề thực tiễn trong lĩnh vực Luật kinh tế; Có tư duy logic, rõ ràng, chính xác trong việc xem xét các yếu tố pháp lý trong lĩnh vực Luật kinh tế; Có thái độ tích cực, nghiêm túc, chủ động, sáng tạo trong học tập và làm việc.</p>	<p><i>Giáo trình bắt buộc</i> Nguyễn Viết Tỷ (2022), <i>Giáo trình Luật thương mại tập 1</i>, NXB Công an nhân dân Nguyễn Viết Tỷ (2022), <i>Giáo trình Luật thương mại tập 2</i>, NXB Công an nhân dân</p> <p><i>Tài liệu tham khảo:</i> Ngô Huy Cương, (2013), <i>Giáo trình Luật thương mại phần chung và thương nhân</i>, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội.</p>
II	Kiến thức ngành (46TC)			
26	254051	Quản trị doanh nghiệp , 3TC	<p>- Nội dung học phần: Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức tổng quát về quản trị doanh nghiệp, Lịch sử quản trị doanh nghiệp; Các loại hình doanh nghiệp, thông tin và</p>	<p><i>Giáo trình bắt buộc</i> Ngô Kim Thanh (2013) <i>Giáo trình Quản trị doanh nghiệp</i> –NXB Đại học</p>

TT	Mã HP	Tên HP, số TC	Mô tả nội dung học phần	Tài liệu dạy học
			<p>quyết định trong quản trị doanh nghiệp; các chức năng quản trị doanh nghiệp như hoạch định, tổ chức, điều hành và kiểm tra; Các phương pháp quản trị kết quả sản xuất kinh doanh trong doanh nghiệp. Học phần cũng sẽ giúp người học phân loại được doanh nghiệp, thiết lập được mục tiêu, chiến lược và kế hoạch hoạt động của doanh nghiệp nhỏ; Thu thập thông tin quản trị và ra quyết định cho các vấn đề trong doanh nghiệp; Phân tích môi trường kinh doanh của doanh nghiệp để đưa ra chiến lược hoạt động; Phân tích và quản trị kết quả kinh doanh của doanh nghiệp; Khởi nghiệp, điều hành và quản trị doanh nghiệp nhỏ và vừa.</p> <p>- Năng lực đạt được: Hiểu và phân tích ưu nhược điểm của các loại hình doanh, cách thức thu thập thông tin, hoạch định chương trình và xây dựng bộ máy quản trị doanh nghiệp. Phân tích và so sánh được các phương pháp điều hành doanh nghiệp từ đó có thể lựa chọn và vận dụng vào trong thực tiễn công việc. Nắm vững các phương pháp kiểm tra, kiểm soát trong quản trị doanh nghiệp. Thành thạo các kỹ năng xử lý thông tin và ra quyết định; Kỹ năng hoạch định mục tiêu, kế hoạch, chiến lược; Kỹ năng kiểm soát Rèn luyện được thói quen, phong cách làm việc khoa học, nghiêm túc và có ý thức trong hoạt động tự học.</p>	<p>kinh tế quốc dân. Tài liệu tham khảo 1) Lê Quang Hiếu, Nguyễn Thị Loan (Đồng chủ biên) (2019) <i>Câu hỏi và bài tập Quản trị doanh nghiệp</i>; NXB Đại học Kinh tế quốc dân. 2) Nguyễn Thị Thanh Xuân, Nguyễn Thị Loan, Trịnh Thị Thu Huyền (Đồng chủ biên) (2022) Cẩm nang “<i>Hỗ trợ DNNVV tỉnh Thanh Hoá phục hồi hoạt động sản xuất kinh doanh sau đại dịch Covid -19</i>”; NXB Thanh Hoá.</p>
27	152007	Quản trị tài chính DN1, 3TC	<p>- Nội dung học phần: Trang bị những kiến thức cơ bản và vận dụng vào công tác quản trị tài chính doanh nghiệp như: Tài chính doanh nghiệp và Quản trị tài chính doanh nghiệp; Quản trị vốn kinh doanh của doanh nghiệp; Lợi nhuận và phân phối lợi nhuận của doanh nghiệp – Phương pháp đánh giá và lựa chọn dự án đầu tư; Báo cáo tài chính doanh nghiệp và các hệ số tài chính – Quản trị dòng tiền của doanh nghiệp - Kế hoạch tài chính doanh nghiệp.</p> <p>- Năng lực đạt được: Có kỹ năng phân tích quản trị vốn kinh doanh của doanh nghiệp. Thành thạo trong việc xác định được lợi nhuận trong từng trường hợp cụ thể. Có kỹ năng phân tích chính sách cổ tức của công ty cổ phần Có kỹ năng phân tích đánh giá các hệ số tài chính doanh nghiệp Hình thành kỹ năng lập kế hoạch tài chính Có ý thức, trách nhiệm trong công việc</p>	<p>Giáo trình bắt buộc Bùi Văn Vân, Vũ Văn Ninh (2015), Giáo trình Tài chính doanh nghiệp, Nxb Tài chính.</p> <p>Tài liệu tham khảo: 1) Vũ Duy Hào, Trần Minh Tuấn (2019), Tài chính doanh nghiệp, NXB Kinh tế quốc dân 2) Bùi Văn Vân (2009), Hệ thống câu hỏi và bài tập Tài chính doanh nghiệp, NXB Tài chính</p>

TT	Mã HP	Tên HP, số TC	Mô tả nội dung học phần	Tài liệu dạy học
28	<i>Chọn 1 trong 2 học phần</i>			
a		Kinh tế lượng, 3TC	<p>- Nội dung học phần: Kinh tế lượng là học phần thuộc khối kiến thức cơ sở của chương trình Đại học Kinh tế, QTKD, Kế toán, Kiểm toán, TCNH. Nội dung của học phần bao gồm các kiến thức cơ bản về kinh tế lượng như ước lượng và kiểm định giả thiết, phân tích kết quả hồi quy trong các mô hình: hồi quy đơn, hồi quy bội, hồi quy với biến giả; Nghiên cứu các khuyết tật của mô hình hồi quy (bao gồm khuyết tật đa cộng tuyến, phương sai của sai số thay đổi, tự tương quan, dạng mô hình sai và sai số ngẫu nhiên không theo phân phối chuẩn) và cách khắc phục các khuyết tật đó.</p> <p>- Năng lực đạt được: Người học nắm vững các kiến thức về các khái niệm cơ bản trong kinh tế lượng, bản chất của hồi quy, ước lượng, kiểm định giả thiết trong các mô hình hồi quy đơn, hồi quy bội; hiểu về biến giả và cách phân tích hồi quy với mô hình có biến giả, cũng như bản chất, cách phát hiện và khắc phục các khuyết tật trong mô hình. Người học có thể vận dụng thành thạo các kiến thức về kinh tế lượng để xây dựng hàm/mô hình hồi quy cho các vấn đề kinh tế; thực hiện ước lượng và kiểm định các hệ số trong mô hình hồi quy; Dự báo được các hiện tượng kinh tế; Phát hiện và khắc phục được khuyết tật đa cộng tuyến trong mô hình hồi quy.; Vận dụng các kỹ năng về xây dựng hàm/mô hình, kỹ năng sử dụng các công cụ kinh tế lượng, kỹ năng sử dụng thành thạo các phần mềm kinh tế lượng vào giải quyết nhiệm vụ lượng hóa một vấn đề kinh tế. Người học chủ động và có hứng thú trong việc thực hiện một phân tích kinh tế lượng cụ thể, đặc biệt trong lĩnh vực kinh tế.</p>	<p>Giáo trình bắt buộc Nguyễn Quang Dong, Nguyễn Thị Minh (2012) , Giáo trình Kinh tế lượng, NXB KTQD,</p> <p>Tài liệu tham khảo: 1) Nguyễn Cao Văn (2018), <i>Lý thuyết xác suất và thống kê toán</i>, Nxb ĐHKQTĐ. 2) Nguyễn Văn Dân, Nguyễn Hồng Nhung (2020), <i>Kinh tế học vi mô</i>, NXB Tài chính.</p>
b	151090	Lý thuyết mô hình toán kinh tế, 3TC	<p>- Nội dung học phần: Học phần đề cập tới các mô hình tối ưu ứng dụng trong phân tích hành vi của các tác nhân kinh tế. Trên cơ sở nguồn lực có giới hạn các tác nhân luôn muốn đạt mục tiêu tối đa, với công cụ toán học phân tích các mô hình hành vi giúp đưa ra các quyết định lựa chọn tối ưu nhất và phân tích tác động của một số yếu tố ngoại sinh tới hành vi; Những phương pháp thiết lập mô hình quy hoạch tuyến tính để mô tả các vấn đề, tình huống trong quản lý kinh doanh, như bài toán lập kế hoạch sản xuất, bài toán bố trí sản xuất và tiêu thụ.... Phân tích mô hình và tìm lời giải cho vấn đề tối ưu của các nhà quản lý; Phân tích và dự báo mô hình cân đối liên ngành, một số các chỉ tiêu kinh tế vĩ mô. Với những kiến thức trên, sinh viên có khả</p>	<p>Giáo trình/Bộ giáo trình bắt buộc Hoàng Đình Tuấn (2019), <i>Giáo trình lý thuyết mô hình toán kinh tế</i>, NXB ĐHKQTĐ</p> <p>Tài liệu tham khảo 1) Nguyễn Quang Dong, Ngô Văn Thứ, Hoàng Đình Tuấn (2006), <i>Mô hình toán kinh tế</i>, Nxb Thống kê.</p>

TT	Mã HP	Tên HP, số TC	Mô tả nội dung học phần	Tài liệu dạy học
			<p>năng vận dụng các kiến thức đã học để xây dựng, phân tích và dự báo các mô hình kinh tế. Từ đó kiến nghị những quyết định lựa chọn tối ưu nhất cho các tác nhân kinh tế.</p> <p>- Năng lực đạt được:</p> <p>Nhớ và hiểu được được thể là mô hình toán kinh tế; các phương pháp phân tích mô hình; quy trình xây dựng và sử dụng mô hình toán kinh tế; các nội dung về mô hình tối ưu, cấu trúc của mô hình tối ưu; mô hình phân tích hành vi sản xuất; mô hình phân tích hành vi của hộ gia đình; cấu trúc bài toán QHTT và các dạng bài toán QHTT; cách thức chuyển đổi các dạng bài toán QHTT; phương pháp đơn hình giải bài toán QHTT; bài toán đối ngẫu; bảng vào ra: Khái niệm, phân loại. Vận dụng các kiến thức để chuyển đổi các dạng bài toán quy hoạch tuyến tính; giải các bài toán đơn hình; tính toán các chỉ tiêu của bảng vào ra dạng hiện vật và dạng giá trị. Phân tích được các yếu tố tác động đến biến nội sinh trong mô hình; Xây dựng được mô hình của một số tình huống kinh tế (bài toán vận tải, lập kế hoạch sản xuất); xây dựng được bảng vào ra của một nền kinh tế đơn giản. Có khả năng phân tích và đánh giá một cách độc lập, cẩn thận; có phương pháp làm việc theo nhóm một cách hiệu quả, trung thực và chính xác. Có thái độ học hỏi, cởi mở và tôn trọng ý kiến của người khác. Nhận thức được tầm quan trọng và ý nghĩa của môn học. Có ý thức học tập và nghiên cứu các nội dung của học phần.</p>	<p>2) Hoàng Đình Tuấn (2007), <i>Giáo trình LT Mô hình toán kinh tế</i>, Nxb ĐHKQTĐ.</p>
29	153085	Kế toán tài chính 1, 4TC	<p>- Nội dung học phần:</p> <p>Học phần cung cấp các kiến thức cơ bản và nâng cao về các khái niệm, nguyên tắc kế toán được thừa nhận trong kế toán doanh nghiệp, nội dung tổ chức công tác kế toán tài chính trong doanh nghiệp. Kế toán vốn bằng tiền, đầu tư ngắn hạn, các khoản phải thu và ứng trước. Kế toán các yếu tố sản xuất bao gồm kế toán nguyên liệu vật liệu và công cụ dụng cụ; kế toán TSCĐ; kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương.</p> <p>- Năng lực đạt được:</p> <p>Có kiến thức cơ bản về luật kế toán, chuẩn mực kế toán, về tổ chức công tác kế toán tài chính trong doanh nghiệp, nguyên tắc hạch toán kế toán trong doanh nghiệp.</p> <p>Tổ chức công tác kế toán trong doanh nghiệp; Hiểu được tổ chức công tác kế toán trong doanh nghiệp; hiểu nguyên tắc hạch toán kế toán các nghiệp vụ kinh tế</p>	<p>Giáo trình bắt buộc</p> <p>Nguyễn Thị Thu Phương, Lê Thị Hồng(2022), giáo trình kế toán tài chính (quyển 1), NXB đại học kinh tế quốc dân</p> <p>Tài liệu tham khảo:</p> <p>1) Lê Thị Hồng, Lê Thị Minh Huệ, Lê Thị Diệp (2019), <i>Câu hỏi và bài tập kế toán tài chính</i>, Nxb Tài chính.</p> <p>2) Bộ tài chính (2015), <i>Chế độ kế toán doanh nghiệp</i>. Báo cáo tài chính chứng từ và sổ kế toán (Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC và thông</p>

TT	Mã HP	Tên HP, số TC	Mô tả nội dung học phần	Tài liệu dạy học
			<p>phát sinh liên quan đến vốn bằng tiền, kế toán các khoản phải thu, tạm ứng, ứng trước; kế toán vật tư; kế toán tài sản cố định; kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương.</p> <p>Vận dụng được và ghi chép được các nguyên tắc hạch toán kế toán các phần hành kế toán vốn bằng tiền, các khoản phải thu, tạm ứng, ứng trước; kế toán vật tư; kế toán tài sản cố định; kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương.</p> <p>Kỹ năng xử lý các tình huống nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong kế toán doanh nghiệp</p> <p>Kỹ năng thu thập, tổng hợp, phân tích thông tin; kỹ năng làm việc độc lập, làm việc theo nhóm, kỹ năng thuyết trình trong quá trình học tập, nghiên cứu môn học.</p> <p>Có thói quen, phong cách làm việc khoa học, nghiêm túc và có ý thức trong hoạt động xây dựng kế hoạch học tập, nghiên cứu tài liệu và tự học</p>	<p>tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ tài chính, NXB Lao Động</p>
30	151045	Kinh tế quốc tế, 3TC	<p>- Nội dung học phần: Khái quát về nền kinh tế thế giới, nội dung các mối quan hệ kinh tế quốc tế; Thương mại quốc tế và sự di chuyển các nguồn lực quốc tế, đồng thời học phần cũng chứa đựng các nội dung của Thanh toán quốc tế; liên kết và hội nhập kinh tế quốc tế.</p> <p>- Năng lực đạt được: Người học hiểu rõ của nền kinh tế thế giới từ đó phân tích được cơ sở mối quan hệ kinh tế giữa các chủ thể kinh tế quốc tế; Phân tích các vấn đề có tính toàn cầu và cách thức giải quyết các vấn đề đó; Nhận biết các xu hướng của nền kinh tế thế giới, từ đó thay đổi hành vi tạo điều kiện cho sự phát triển một cách phù hợp với thời đại. Người học hiểu những chính sách của Đảng và Nhà nước để phát triển kinh tế đối ngoại trong từng thời kỳ, từ đó sinh viên biết được đường lối, phương hướng trong hoạt động của bản thân nhằm phát huy hiệu quả những sản phẩm, những lợi thế của địa phương và quốc gia. Người học hiểu rõ phương thức và thực hiện được cơ bản các giao dịch trong thương mại quốc tế; Tính toán lợi ích của quốc gia khi tham gia vào thương mại quốc tế; Biết rõ cách sử dụng các công cụ trong thương mại quốc tế và phân tích các tác động của nó đến nền KT Việt Nam và địa phương; Xác định được dòng di chuyển quốc tế các nguồn lực như vốn tư bản, nguồn lao động. Từ đó, người học tiếp cận và xây dựng được ý thức, hành động tham gia vào chu trình vận chuyển</p>	<p>Giáo trình bắt buộc Đỗ Đức Bình & Ngô Thị Tuyết Mai (2012), GT Kinh tế quốc tế. NXB ĐHKQTĐ</p> <p>Tài liệu tham khảo: 1) Tôn Hoàng Thanh Hué, Nguyễn Thị Mai (2020), Câu hỏi và bài tập Kinh tế quốc tế, NXB ĐHKQTĐ 2) Đỗ Đức Bình, Nguyễn Thường Lạng (2008), Kinh tế quốc tế, NXB ĐHKQTĐ</p>

TT	Mã HP	Tên HP, số TC	Mô tả nội dung học phần	Tài liệu dạy học
			<p>này; cấu trúc của cán cân thanh toán quốc tế (thặng dư và thâm hụt cán cân); các nghiệp vụ KD ngoại hối; quy đổi giá cả các loại tiền tệ trên thế giới.</p> <p>Người học hiểu tác động của việc hội nhập kinh tế quốc tế; các loại hình liên kết trên thế giới và mức độ của Việt Nam khi tham gia vào liên kết và hội nhập; Năm vững quá trình hình thành, cơ cấu tổ chức, nguyên tắc hoạt động của các liên kết kinh tế và tổ chức kinh tế quốc tế tiêu biểu: ASEAN, APEC, EU.</p>	
31-32	<i>Chọn 2 trong 3 học phần</i>			
a	151065	Kinh tế đầu tư, 2TC	<p>- Nội dung học phần: Học phần trang bị các kiến thức cơ bản về đầu tư, đầu tư phát triển, công tác quản lý và kế hoạch hoá hoạt động đầu tư, môi trường đầu tư, đầu tư công, đầu tư quốc tế, kết quả và hiệu quả của hoạt động đầu tư phát triển và đầu tư phát triển trong doanh nghiệp</p> <p>- Năng lực đạt được: Hiểu các khái niệm đầu tư, đầu tư phát triển; đầu tư công, đầu tư trong doanh nghiệp; Những phương pháp đánh giá kết quả của hoạt động đầu tư phát triển; SV hiểu rõ về chỉ tiêu đánh giá hiệu quả tài chính dự án, Hiểu rõ về hiệu quả đầu tư; Sinh viên hiểu rõ về chỉ tiêu NPV, B/C, T; IRR, so sánh lựa chọn dự án đầu tư. Hiểu được kiến thức về tài chính dự án, cách thức huy động vốn và nắm vững cách tính lãi xuất đi vay, Phân biệt được đầu tư phát triển, đầu tư tài chính và đầu tư thương mại. Phân biệt được sự khác nhau giữa môi trường đầu tư của các nước nhận đầu tư và các nước đi đầu tư, Kỹ năng lựa chọn dự án có hiệu quả kinh tế cao thông qua việc đánh giá tiêu chí tài chính. Rèn luyện được thói quen, phong cách làm việc khoa học, nghiêm túc và có ý thức trong hoạt động tự học.</p>	<p>Giáo trình bắt buộc Quang Phương, Phạm Văn Hùng (2013), <i>Giáo trình Kinh tế đầu tư</i>, NXB ĐHKQTĐ</p> <p>Tài liệu tham khảo: 1) Nguyễn Thị Bạch Nguyệt (2012), <i>Lập dự án đầu tư</i>, NXB ĐHKQTĐ 2) Lê Hoàng Bá Huyền, Nguyễn Thị Thanh Xuân, Tôn Hoàng Thanh Huế, Lê Huy Chính (2019), <i>Môi trường đầu tư với hoạt động thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài vào tỉnh Thanh Hóa</i>, NXB ĐHKQTĐ</p>
b	151030	Kinh tế môi trường, 2TC	<p>- Nội dung học phần: Các khái niệm về Môi trường, tài nguyên, phát triển bền vững, ô nhiễm môi trường; Giải pháp kinh tế thị trường cho ô nhiễm tối ưu; Các chỉ tiêu và phương pháp đánh giá tác động môi trường; Sự khan hiếm các nguồn tài nguyên, nguồn tài nguyên tái sinh và nguồn tài nguyên không tái sinh; Các qui định và nguyên tắc quản lý môi trường; Từ những hiểu biết cơ bản học phần KT môi trường, người học vận dụng để lý giải được những vấn đề trong thực tế đời sống kinh tế - xã hội, làm các bài tập thực hành. Trên cơ sở đó phải thể hiện quan điểm của mình về các</p>	<p>Giáo trình bắt buộc Nguyễn Thế Chinh (2012), <i>Giáo trình Kinh tế và quản môi trường</i> - Nhà xuất bản Thống kê, Hà Nội</p> <p>Tài liệu tham khảo: Nguyễn Thanh Thủy (2017), <i>Bài giảng Luật môi trường</i>, NXB ĐHKQTĐ.</p>

TT	Mã HP	Tên HP, số TC	Mô tả nội dung học phần	Tài liệu dạy học
			<p>vấn đề môi trường đang diễn ra trong thực tế.</p> <p>- Năng lực đạt được: Vận dụng các phương pháp đào tạo và phát triển nguồn nhân lực trong phân tích tình huống thực tế. Xây dựng được kế hoạch đào tạo và phát triển nguồn nhân lực Tính toán được tiền công tiền lương tại điểm cân bằng khi không và có sự điều tiết của Nhà nước Vận dụng tính các chỉ tiêu năng suất lao động trong sản xuất kinh doanh Có khả năng đánh giá quá trình tham gia của VN vào các công ước quốc tế về môi trường, cũng như những đóng góp và vai trò của VN. Rèn luyện được thói quen, phong cách làm việc khoa học, nghiêm túc và có ý thức trong hoạt động tự học.</p>	
c	151041	Kinh tế thương mại, 2TC	<p>- Nội dung học phần: Học phần nhằm cung cấp những kiến thức cơ bản: Tổng quan về kinh tế thương mại; khái niệm và điều kiện lịch sử ra đời của thương mại, vai trò, chức năng, nhiệm vụ quan trọng của ngành thương mại đối với sự phát triển kinh tế nói chung, và để quản lý ngành thương mại có hiệu quả nhà nước đã sử dụng nhiều chính sách, công cụ và các phương pháp quản lý khác nhau. Trong cơ chế thị trường hàng hóa và dịch vụ là đối tượng kinh doanh khác nhau. Các phương pháp đánh giá được hiệu quả kinh doanh thương mại, khẳng định được vai trò quan trọng của thương mại đối với kinh tế xã hội.</p> <p>- Năng lực đạt được: Có kiến thức thực tế vững chắc, kiến thức về các thành phần của môi trường, bản chất của môi trường Phân tích và lựa chọn đúng mối quan hệ giữa môi trường và phát triển; Nắm được các mô hình chiến lược phát triển.. kiến thức về vai trò của quản lý nhà nước đối với thương mại trong nền kinh tế thị trường;; Nắm và hiểu vai trò của các công cụ quản lý thương mại; những xu hướng cơ bản trong chính sách thương mại; có cái nhìn một cách toàn tổ chức kinh doanh thương mại hàng hóa trong cơ chế thị trường, Sinh viên có kiến thức tổng quát về kinh doanh dịch vụ trong nền kinh tế quốc dân. Rèn luyện được thói quen, phong cách làm việc khoa học, nghiêm túc và có ý thức trong hoạt động tự học.</p>	<p>Giáo trình bắt buộc Đặng Đình Đào, Hoàng Đức Thân (2019), <i>Giáo trình Kinh tế thương mại</i>, NXB ĐHKQTĐ</p> <p>Tài liệu tham khảo: Trương Đình Chiến (2008), <i>Quản trị kênh phân phối</i>, NXB ĐHKQTĐ</p>
33	151099	Dự báo kinh	- Nội dung học phần:	Giáo trình bắt buộc

TT	Mã HP	Tên HP, số TC	Mô tả nội dung học phần	Tài liệu dạy học
		tế, 2TC	<p>Học phần Dự báo kinh tế trang bị cho sinh viên các nội dung tổng quan về dự báo kinh tế; giới thiệu các mô hình dự báo giản đơn. Bên cạnh đó, học phần còn trang bị các phương pháp dự báo các hiện tượng kinh tế như dự báo dựa vào hàm xu thế, dự báo bằng phân tích hồi quy và dự báo bằng hàm mũ.</p> <p>- Năng lực đạt được:</p> <p>Người học hiểu được những kiến thức cơ bản về dự báo kinh tế; các tiêu chí đánh giá mức độ chính xác của dự báo; dữ liệu dùng để dự báo; các mô hình dự báo, các phương pháp dự báo áp dụng trong mỗi tình huống chuyên ngành cụ thể của người học. Người học có thể thực hiện thành thạo các thao tác dự báo bằng các phần mềm dự báo (SPSS, Eviews); phân tích, đánh giá và ra quyết định liên quan đến quá trình điều hành, tổ chức, quản lý hoạt động kinh tế dựa trên kết quả dự báo</p> <p>Người học xây dựng một quy trình dự báo cụ thể (biết cách khảo sát, thu thập, xử lý và phân tích dữ liệu để dự báo); nhận biết và lựa chọn được một mô hình và phương pháp dự báo phù hợp và tốt nhất đối với mỗi hiện tượng cần dự báo; sử dụng các phần mềm trên máy tính hỗ trợ việc xử lý dữ liệu và thực hiện dự báo các hiện tượng kinh tế - xã hội.</p> <p>Người học tự chủ và có trách nhiệm trong các hoạt động dự báo kinh tế bao gồm cả sự chủ động nắm bắt, phát hiện vấn đề, thu thập dữ liệu nghiên cứu. Có hứng thú nghiên cứu, phân tích và dự báo các vấn đề kinh tế - xã hội.</p>	<p>Đình Bá Hùng Anh (2016), <i>Dự báo trong kinh doanh</i>, NXB Kinh tế TP HCM,</p> <p>Tài liệu tham khảo:</p> <p>1)Trần Kim Thu (2016), <i>Giáo trình Lý thuyết thống kê</i>, NXB ĐHKQTĐ.</p> <p>2) Nguyễn Quang Đông, Nguyễn Thị Minh (2016), <i>Giáo trình kinh tế lượng</i>, NXB ĐHKQTĐ.</p>
34	151070	Lập và phân tích dự án đầu tư, 3TC	<p>- Nội dung học phần:</p> <p>Khái niệm về đầu tư, dự án đầu tư, trình tự và nội dung nghiên cứu dự án đầu tư, công tác lập và quản lý dự án đầu tư. Phân tích lựa chọn phương án kỹ thuật, công nghệ và công suất, phương án tài chính... Các giải pháp thực hiện. Đánh giá tác động của môi trường vĩ mô vào dự án, khả năng thu xếp vốn và khả năng cấp vốn theo tiến độ; phương án hoàn trả vốn đối với dự án có yêu cầu thu hồi vốn và phân tích đánh giá hiệu quả kinh tế - tài chính, hiệu quả xã hội của dự án. Sinh viên hiểu rõ những kiến thức cơ bản nhất về các công quản lý dự án đầu tư, biết quản lý tiến độ thời gian của dự án. Người học lập hoàn chỉnh một dự án đầu tư khả thi, tự lập kế hoạch huy động vốn, tự lập bảng tiến độ và quản lý thời gian của dự án; phân tích lựa chọn phương án kỹ thuật, công nghệ và công suất... và các giải pháp thực hiện; Dự tính tổng mức đầu tư của dự án; khả năng huy động và cấp</p>	<p>Giáo trình bắt buộc</p> <p>Nguyễn Thị Bạch Nguyệt (2012), <i>Giáo trình lập dự án đầu tư</i>, NXB ĐHKQTĐ</p> <p>Tài liệu tham khảo:</p> <p>1) Từ Quang Phương, Phạm Văn Hùng (2013), <i>Giáo trình Kinh tế đầu tư</i>, NXB ĐHKQTĐ</p> <p>2) Từ Quang Phương (2014), <i>Giáo trình quản lý dự án</i>, NXB ĐHKQTĐ.</p>

TT	Mã HP	Tên HP, số TC	Mô tả nội dung học phần	Tài liệu dạy học
			<p>vốn theo tiến độ; phương án hoàn trả vốn đối với dự án có yêu cầu thu hồi vốn và phân tích đánh giá hiệu quả kinh tế - tài chính, hiệu quả XH của dự án.</p> <p>- Năng lực đạt được: Phát triển, triển khai thực hiện các dự án của doanh nghiệp vận dụng những kiến thức về chi phí, lợi nhuận, cách tính toán lãi xuất đi vay cho dự án. Đánh giá tính khả thi của dự án, loại bỏ những dự án không đạt tiêu chuẩn nhằm giảm thiểu rủi ro cho các doanh nghiệp. Đánh giá được tính khả thi của dự án thông qua những thông số dự kiến. Đánh giá được các trường hợp rủi ro phát sinh khi thực hiện dự án; Giải quyết được những tồn tại trong quá trình thực hiện dự án. Rèn luyện được thói quen, phong cách làm việc khoa học, nghiêm túc và có ý thức trong hoạt động tự học.</p>	
35	151093	Nghiệp vụ kinh doanh XNK, 3TC	<p>- Nội dung học phần: Học phần Nghiệp vụ kinh doanh xuất nhập khẩu nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về, thương mại quốc tế và các phương thức giao dịch trong kinh doanh xuất nhập khẩu, các quy định cơ bản về vận tải, bảo hiểm và giao nhận hàng hoá trong ngoại thương, các hình thức thanh toán quốc tế và các nghiệp vụ cơ bản trong kinh doanh xuất nhập khẩu. Với những kiến thức này, người học sẽ được trang bị kiến thức trong bối cảnh thương mại quốc tế đang phát triển nhanh chóng hiện nay.</p> <p>- Năng lực đạt được: Hiểu vững được từ bản chất đến vai trò của các nghiệp vụ ngoại thương, các nhân tố ảnh hưởng đến việc thực hiện các nghiệp vụ ngoại thương; các nội dung của các phương thức giao dịch chủ yếu trên thị trường quốc tế; các loại hình vận tải trong kinh doanh xuất nhập khẩu; các nội dung của bảo hiểm hàng hoá trong ngoại thương; phương thức thanh toán quốc tế; các nghiệp vụ thực hiện “xúc tiến bán hàng” trong trường hợp xuất khẩu và nhập khẩu hàng hoá trong ngoại thương, xúc tiến thâm nhập thị trường mục tiêu ở nước ngoài; phương án kinh doanh trong ngoại thương; đàm phán trong kinh doanh xuất nhập khẩu; hợp đồng ngoại thương.</p> <p>Nhận biết các loại chứng từ trong kinh doanh ngoại thương như bộ chứng từ vận tải, chứng từ hàng hoá hay thanh toán. Biết cách lập một số bộ chứng từ đơn giản trong các tình huống kinh doanh đơn giản. Biết lựa chọn và quyết định</p>	<p>Giáo trình bắt buộc Tạ Lợi (2018), <i>Giáo trình nghiệp vụ ngoại thương</i>, NXB ĐH KTQD</p> <p>Tài liệu tham khảo: 1) Trần Hoà (2012), <i>Nghiệp vụ kinh doanh xuất nhập khẩu</i>, NXB ĐH KTQD. 2) Tài liệu tham khảo: Trung tâm trọng tài quốc tế Việt Nam (2020), <i>Incoterms 2020 giải thích và hướng dẫn</i>, nxb tài chính</p>

TT	Mã HP	Tên HP, số TC	Mô tả nội dung học phần	Tài liệu dạy học
			<p>phương thức giao dịch, phương thức vận chuyển và thanh toán phù hợp với từng tình huống kinh doanh xuất nhập khẩu cụ thể. Có ý thức tự chủ trong việc thực hiện các Nghiệp vụ kinh doanh xuất, nhập khẩu. Rèn luyện được thói quen, phong cách làm việc khoa học, nghiêm túc. Có hứng thú và chủ động trong nghiên cứu và thực hành các hoạt động kinh doanh xuất, nhập khẩu.</p>	
36	151044	Kinh doanh quốc tế, 3TC	<p>- Nội dung học phần: Học phần giới thiệu một số vấn đề cơ bản về hoạt động kinh doanh quốc tế. những cơ hội, thách thức đối với hoạt động kinh doanh quốc tế trong bối cảnh toàn cầu hoá, sự khác biệt giữa các quốc gia về môi trường chính trị, pháp luật, kinh tế, văn hóa và những tác động của môi trường đó tới hoạt động kinh doanh quốc tế. Học phần nghiên cứu những phương thức thâm nhập thị trường, cơ sở lựa chọn phương thức thâm nhập thị trường cũng như các chiến lược kinh doanh và mô hình cấu trúc tổ chức của các doanh nghiệp kinh doanh quốc tế và một số nội dung cơ bản về đạo đức kinh doanh quốc tế.</p> <p>- Năng lực đạt được: Sinh viên có kiến thức thực tế vững chắc, kiến thức lý thuyết toàn diện, chuyên sâu về vai trò của môi trường, quan hệ tương tác giữa kinh tế và môi trường. Sinh viên có kiến thức về các hình thức đầu tư quốc tế, các mô hình lý thuyết thương mại quốc tế, đánh giá đúng lợi ích và hạn chế của các mô hình, những rào cản khi tham gia thương mại quốc tế, từ đó vận dụng linh hoạt vào thực tiễn hoạt động của doanh nghiệp. Sinh viên có cái nhìn một cách toàn diện hơn, có khả năng tư duy, đề xuất chiến lược kinh doanh quốc tế cho doanh nghiệp. Hiểu và vận dụng để lựa chọn hình thức thâm nhập thị trường quốc tế phù hợp với điều kiện của doanh nghiệp. Rèn luyện được tư duy khoa học trong phân tích vấn đề, hình thành phong cách làm việc khoa học, nghiêm túc và có ý thức trong hoạt động tự học.</p>	<p>Giáo trình bắt buộc Phạm Thị Hồng Yên (2010), <i>Giáo trình Kinh doanh quốc tế</i>, NXB Thống Kê</p> <p>Tài liệu tham khảo: Tạ Lợi, Nguyễn Thị Hương (2018), <i>Giáo trình Kinh doanh quốc tế, ĐH Kinh tế quốc dân</i></p>
37	151046	Chính sách kinh tế đối ngoại, 3TC	<p>- Nội dung học phần: Cung cấp những kiến thức cơ bản, có hệ thống về lý luận và phương pháp luận trong phân tích, đánh giá tác động của việc thực thi chính sách kinh tế đối ngoại của một số quốc gia lựa chọn đến sự phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam.</p> <p>- Năng lực đạt được: Nắm vững bản chất của nền kinh tế thế giới. Nắm được các vấn đề cơ bản về chính sách kinh tế đối ngoại. Một số loại chính sách đối ngoại như: Chính sách thương mại quốc</p>	<p>Giáo trình bắt buộc Ngô Thị Tuyết Mai & Đỗ Thị Hương (2022), <i>Giáo trình Chính sách kinh tế đối ngoại</i>. NXB ĐHKQTĐ</p> <p>Tài liệu tham khảo: Đỗ Đức Bình, Ngô Thị Tuyết Mai (2012), <i>Giáo trình Kinh tế quốc tế</i>, NXB</p>

TT	Mã HP	Tên HP, số TC	Mô tả nội dung học phần	Tài liệu dạy học
			tế, Chính sách đầu tư quốc tế, Chính sách tỷ giá hối đoái, Chính sách xuất – nhập khẩu lao động. Năm được các chính sách kinh tế đối ngoại của một số nước và khu vực như: Asean, EU, Nhật Bản, Hàn Quốc, Mỹ. Năm được các chính sách kinh tế đối ngoại của Việt Nam. Nhận biết được các xu hướng của nền kinh tế thế giới, từ đó thay đổi hành vi tạo điều kiện cho sự phát triển một cách phù hợp với thời đại. Rèn luyện được thói quen, phong cách làm việc khoa học, nghiêm túc và có ý thức trong hoạt động tự học.	ĐHKQTĐ Hà Nội
38-39	<i>Chọn 2 trong 3 học phần</i>			
a	151222	Đầu tư quốc tế, 3TC	<p>- Nội dung học phần: Trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về đầu tư quốc tế; Tự do hóa đầu tư và các khu vực đầu tư tự do; Hiệp định đầu tư quốc tế, Các hình thức cơ bản của đầu tư quốc tế, Các công ty xuyên quốc gia (TNC) trong hoạt động đầu tư quốc tế; Mua lại và sáp nhập (M&A) trên thế giới.</p> <p>- Năng lực đạt được: Có kiến thức về đầu tư quốc tế, xu hướng vận động kinh doanh của thị trường và khả năng phân biệt được đầu tư quốc tế với một số hình thức đầu tư khác trong nền kinh tế thị trường Có kiến thức thực tế vững chắc và chuyên sâu về đầu tư quốc tế và tự do hoá đầu tư, các khu vực đầu tư tự do. Vận dụng các chỉ tiêu tài chính nhằm đánh giá hiệu quả của dự án đầu tư trong thực tiễn Có kiến thức thực tế vững chắc về các hiệp định đầu tư quốc tế và hoạt động sát nhập, mua lại doanh nghiệp. Có khả năng vận dụng trong nền kinh tế thị trường tại Việt nam.</p>	<p>Giáo trình bắt buộc Vũ Chí Lộc (2011), Giáo trình Đầu tư quốc tế, ĐH Ngoại Thương. Tài liệu tham khảo Lê Hoàng Bá Huyền, Nguyễn Thị Thanh Xuân, Tôn Hoàng Thanh Huế, Lê Huy Chính (2019), <i>Môi trường đầu tư với hoạt động thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài vào tỉnh Thanh Hóa</i>, NXB ĐHKQTĐ.</p>
b	151042	Logistics, 3TC	<p>- Nội dung học phần: Học phần “Logistic và vận tải quốc tế” nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về sự vận động của hàng hóa, nguyên liệu, bán thành phẩm trong quá trình mua sắm, sản xuất, lưu thông, phân phối nhằm đạt hiệu quả cao nhất đồng thời nghiên cứu sâu việc tổ chức chuyên chở hàng hoá XNK bằng các phương thức vận tải khác nhau: đường biển, đường sắt, đường hàng không, container, vận tải đa phương thức...</p> <p>- Năng lực đạt được: Hiểu được các vấn đề cơ bản về Logistics và vận tải quốc tế. Năm được các vấn</p>	<p>Giáo trình bắt buộc Đặng Đình Đào (2018), Giáo trình Quản trị Logistics, NXB tài chính.. Tài liệu tham khảo: Trung tâm trọng tài quốc tế Việt Nam (2020), Incoterms 2020 giải thích và hướng dẫn, nxb tài chính.</p>

TT	Mã HP	Tên HP, số TC	Mô tả nội dung học phần	Tài liệu dạy học
			<p>đề quản trị logistics đầu vào đầu ra. Nắm được cách quản trị để đạt được tiết kiệm các yếu tố vật chất trong sản xuất kinh doanh. Nắm được khái niệm, đặc trưng cơ bản của nhu cầu vật tư, hàng hóa, kết cấu và các nhân tố ảnh hưởng đến nhu cầu vật tư, hàng hóa trong doanh nghiệp. Nắm bắt được cách thức quản trị dịch vụ giao nhận hàng hóa tại kho hàng từ các chỉ tiêu đánh giá hoạt động kinh doanh kho hàng từ đó phân tích được kết quả kinh doanh kho hàng hóa và nắm được các nội dung cơ bản của công tác kiểm tra, kiểm kê kho. Hiểu về các công nghệ sử dụng trong Logistic, các mô hình hệ thống thông tin cơ bản được sử dụng trong các doanh nghiệp hiện nay. Hiểu được khái niệm cũng như các tiêu chuẩn để đánh giá dịch vụ khách hàng, các thành phần của dịch vụ khách hàng từ đây xây dựng chiến lược dịch vụ khách hàng hiệu quả. Rèn luyện được thói quen, phong cách làm việc khoa học, nghiêm túc và có ý thức trong hoạt động tự học.</p>	
c	152120	Tài chính quốc tế, 3TC	<p>- Nội dung học phần: Học phần gồm những kiến thức cơ bản như về tài chính quốc tế như: Thị trường ngoại hối; Cán cân thanh toán quốc tế; Chính sách tỷ giá và vai trò của NHTW; Học thuyết ngang giá sức mua; Học thuyết ngang giá lãi suất; Hệ thống tiền tệ quốc tế; Chính sách tỷ giá của Việt Nam.</p> <p>- Năng lực đạt được: Phân tích, dự đoán được sự biến động của tỷ giá trên thị trường ngoại hối. Tác động của tỷ giá đến các lĩnh vực kinh tế xã hội; Phân tích được cán cân thanh toán quốc tế Vận dụng được học thuyết ngang giá lãi suất và học thuyết ngang giá sức mua Sử dụng các công cụ trên thị trường ngoại hối để phòng ngừa rủi ro tỷ giá. b) Phân tích được các nhân tố tác động lên tỷ giá. Có ý thức, trách nhiệm trong công việc</p>	<p>Giáo trình bắt buộc Nguyễn Văn Tiến (2012), Giáo trình Tài chính quốc tế, NXB Thống kê.</p> <p>Tài liệu tham khảo: Nguyễn Văn Tiến (2011), Bài tập và bài giải Tài chính quốc tế, NXB thống kê.</p>
40	<i>Chọn 1 trong 3 học phần</i>			
a	152100	Tài chính công, 3TC	<p>- Nội dung học phần: Học phần gồm những kiến thức cơ bản như về tài chính quốc tế như: Thị trường ngoại hối; Cán cân thanh toán quốc tế; Chính sách tỷ giá và vai trò của NHTW; Học thuyết ngang giá sức mua; Học thuyết ngang giá lãi suất; Hệ thống tiền tệ quốc tế; Chính sách tỷ giá của Việt Nam.</p> <p>- Năng lực đạt được:</p>	<p>Giáo trình bắt buộc Dương Đăng Chinh, Phạm Văn Khoan (2009), Giáo trình quản lý tài chính công, NXB Tài chính</p> <p>Tài liệu tham khảo: 1) Sử Đình Thành, Bùi Thị Mai Hoài</p>

TT	Mã HP	Tên HP, số TC	Mô tả nội dung học phần	Tài liệu dạy học
			<p>Nắm vững được các quy định về tài chính công, quản lý tài chính công, quản lý thu chi NSNN, quản lý các quỹ ngoài NSNN để xử lý các tình huống về tài chính công diễn ra trong thực tiễn.</p> <p>Thành thạo trong việc lập dự toán ngân sách nhà nước ở các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, áp dụng hệ thống mục lục ngân sách nhà nước vào xây dựng dự toán ngân sách nhà nước, lập các báo cáo quyết toán ngân sách ở các đơn vị sử dụng NSNN. Nắm vững nội dung quản lý tài chính công để người học có khả năng thực hiện công việc quản lý tài chính công tại các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập. Tác phong khoa học, chuyên cần; tự tin trong giao tiếp và làm việc .</p>	<p>(2009), Lý thuyết Tài chính công, NXB ĐHQG, TPHCM</p> <p>2) Trương Huỳnh Thắng (2016); Tìm hiểu luật ngân sách nhà nước năm 2015, NXB Chính trị Quốc gia.</p>
b	152101	Thuế, 3TC	<p>- Nội dung học phần:</p> <p>Học phần được thiết kế gồm 6 nội dung bao gồm những vấn đề cơ bản về thuế; 5 luật thuế hiện hành ở Việt Nam hiện nay như: Luật thuế giá trị gia tăng; Luật thuế tiêu thụ đặc biệt, Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu; Luật thuế thu nhập doanh nghiệp và Luật thuế thu nhập cá nhân. Học phần cung cấp cho người học kiến thức lý thuyết và kỹ năng về phương pháp tính thuế và cách kê khai, nộp thuế, quyết toán thuế ở các cơ sở kinh doanh và đơn vị có nghĩa vụ nộp thuế.</p> <p>- Năng lực đạt được:</p> <p>Nắm vững được các quy định về các sắc thuế GTGT, TTĐB, XNK, TNDN, TNCN để xử lý các tình huống về thuế diễn ra trong thực tiễn. Thành thạo trong việc tính, kê khai, nộp quyết toán các loại thuế GTGT, TTĐB, XNK, TNDN, TNCN ở các đơn vị và doanh nghiệp. Nắm vững nội dung quản lý các sắc thuế hiện hành để người học có khả năng thực hiện công việc quản lý tại các cơ quan thuế. Tác phong khoa học, chuyên cần; tự tin trong giao tiếp và làm việc .</p>	<p>Giáo trình bắt buộc</p> <p>Lê Hoàng Bá Huyền, Nguyễn Thị Bất (2016), <i>Chính sách và nghiệp vụ Thuế</i>, NXB Lao động.</p> <p>Tài liệu tham khảo</p> <p>1) Nguyễn Thị Liên và Nguyễn Văn Hiệu (2014), <i>Thuế</i>, Nxb Tài chính.</p> <p>2) Lê Hoàng Bá Huyền (2016), <i>Câu hỏi và bài tập thuế</i>, Nxb Lao động.</p>
c	153125	Thị trường chứng khoán, 3TC	<p>- Nội dung học phần:</p> <p>Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về lý thuyết và kỹ năng về chứng khoán và hoạt động của thị trường chứng khoán như: Khái niệm, chức năng của thị trường chứng khoán, cơ cấu, mục tiêu, nguyên tắc hoạt động của thị trường chứng khoán; các chủ thể tham gia thị trường chứng khoán, cơ chế điều hành và giám sát thị trường chứng khoán; Các loại chứng khoán và các giao dịch chứng khoán trên thị trường sơ cấp, thứ cấp; Phân tích và đầu tư chứng khoán; Giao dịch chứng khoán ở thị trường chứng khoán phi tập trung; Đạo đức nghề nghiệp trong kinh</p>	<p>Giáo trình bắt buộc</p> <p>Lê Hoàng Nga (2020), <i>Thị trường chứng khoán</i>, Nxb Tài chính.</p> <p>Tài liệu tham khảo:</p> <p>1) Bạch Đức Hiền (2008), <i>Giáo trình Thị trường chứng khoán</i>, Nxb Tài chính.</p>

TT	Mã HP	Tên HP, số TC	Mô tả nội dung học phần	Tài liệu dạy học
			<p>doanh chứng khoán.</p> <p>- Năng lực đạt được: Hình thành kỹ năng phân tích tính chất các loại trái phiếu, cổ phiếu từ đó có thể vận dụng vào thực tế để phân tích trái phiếu và cổ phiếu trên thị trường chứng khoán.</p> <p>Phân tích, tư vấn cho khách hàng lựa chọn đầu tư các loại chứng khoán như: cổ phiếu, trái phiếu, chứng chỉ quỹ đầu tư, chứng khoán phái sinh.</p> <p>Có kỹ năng làm việc theo nhóm để phân biệt các chứng khoán cũng như cách thức giao dịch trên sở giao dịch chứng khoán và thị trường chứng khoán phi tập trung; Đạo đức nghề nghiệp trong kinh doanh chứng khoán.</p> <p>Có kỹ năng thực hành tính toán trong việc xác định giá và khối lượng giao dịch trong khớp lệnh định kỳ và khớp lệnh liên tục ở thị trường chứng khoán.</p> <p>Có kỹ năng, năng lực làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm, vận dụng kiến thức một cách linh hoạt và sáng tạo để giải quyết các vấn đề phát sinh trong công việc.</p>	<p>2) Hoàng Văn Quỳnh (2008), <i>Câu hỏi và bài tập thị trường chứng khoán</i>, NXB tài chính.</p>
41	151011	Thực hành nghề nghiệp, 3TC	<p>- Nội dung học phần: Thực hành nghề nghiệp là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức ngành trong chương trình đào tạo chuyên ngành Kinh tế theo định hướng kinh tế quốc tế. Mục đích của học phần nhằm gắn kiến thức lý thuyết với các nghiệp vụ chuyên môn thực tế liên quan đến lĩnh vực kinh tế quốc tế. Trên cơ sở đó sinh viên có thể thành thạo chuyên môn nghiệp vụ khi tốt nghiệp ra trường.</p> <p>- Năng lực đạt được:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên tổng hợp được các kiến thức chuyên môn liên quan đến chuyên đề thực hành, vận dụng để phân tích tình huống thực tế tại đơn vị thực tập, đề xuất các giải pháp trên cơ sở hoàn thiện bài thu hoạch theo chuyên đề đã nghiên cứu. - Vận dụng và hoàn thiện kỹ năng giao tiếp, làm việc độc lập, kỹ năng lập kế hoạch và quản lý thời gian. Hoàn thiện các kỹ năng nghiệp vụ phân tích, đánh giá tình hình tài chính tại doanh nghiệp, các đơn vị hành chính sự nghiệp, các tổ chức tài chính trung gian; kỹ viết viết báo cáo. - Người học được giáo dục, rèn luyện, tu dưỡng đạo đức, tác phong làm việc chuyên nghiệp, sáng tạo, cần mẫn, có tinh thần thái độ học tập tích cực, nghiêm túc, yêu nghề. 	<p>Giáo trình bắt buộc Lê Hoàng Bá Huyền, Nguyễn Thị Thanh Xuân, Tôn Hoàng Thanh Huế, Lê Huy Chính (2019), <i>Môi trường đầu tư với hoạt động thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài vào tỉnh Thanh Hóa</i>, NXB ĐHKQTĐ.</p> <p>Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo 1) Hoàng Văn Hoa, Trần Thị Văn Hóa (2012) - <i>Giáo trình Giao tiếp trong kinh doanh – NXB Đại học kinh tế quốc dân – Hà Nội</i>. 2) Hoàng Đức Thân (2012), <i>Giáo trình giao dịch và đàm phán kinh doanh</i>, NXB KTQĐ.</p>

TT	Mã HP	Tên HP, số TC	Mô tả nội dung học phần	Tài liệu dạy học
42	<i>Chọn 1 trong 2 học phần</i>			
a		Văn hóa kinh doanh, 3TC	<p>- Nội dung học phần: Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về Văn hoá kinh doanh (triết lý kinh doanh, đạo đức kinh doanh, văn hoá doanh nhân, văn hoá doanh nghiệp, văn hoá trong các hoạt động kinh doanh), xu hướng phát triển văn hoá kinh doanh Việt Nam và thế giới. Thêm vào đó, tại cuối môn học, sinh viên sẽ được thực hành các tình huống được lấy từ thực tiễn về các vấn đề văn hóa và đạo đức trong hoạt động kinh doanh.</p> <p>- Năng lực đạt được: Hiểu được kiến thức chung về văn hóa kinh doanh như: Triết lý kinh doanh, đạo đức kinh doanh, văn hóa doanh nghiệp, văn hóa doanh nhân và văn hóa kinh doanh trong thời kỳ hội nhập, biết được các mô hình và cách thức xây dựng các chuẩn mực đạo đức và văn hóa của các doanh nghiệp, doanh nhân Việt nam cũng như thế giới. Người học xác lập và xây dựng được văn hoá kinh doanh phù hợp với đặc điểm của cá nhân và doanh nghiệp.. Phân tích, đánh giá được triết lý, tiêu chuẩn đạo đức kinh doanh cho doanh nghiệp trong tương lai Tự tin trong xây dựng kế hoạch, phát triển kỹ năng xây dựng chương trình, phương án phát triển văn hoá kinh doanh của doanh nghiệp. Người học đủ năng lực để tự phát triển nhận thức về các hành vi đạo đức, văn hoá trong kinh doanh, từ đó có đạo đức, tác phong hoạt bát, sáng tạo, có văn hóa trong công việc, có khả năng tự học tập nghiên cứu các tài liệu liên quan đến vấn đề văn hóa kinh doanh phục vụ công việc.</p>	<p>Giáo trình bắt buộc Dương Thị Liễu (2012), <i>Giáo trình Văn hóa Kinh doanh</i>, NXB ĐH Kinh tế Quốc dân</p> <p>Tài liệu tham khảo 1) Hoàng Văn Hải, Đặng Thị Hương (2022), <i>Giáo trình văn hóa doanh nghiệp và đạo đức kinh doanh</i>, NXB ĐH Quốc gia Hà Nội 2) Nguyễn Mạnh Quân (2015), <i>Giáo trình Đạo đức kinh doanh và văn hoá công ty</i>, NXB Đại học Kinh tế Quốc dân</p>
		Giao tiếp và đàm phán trong kinh doanh, 3TC	<p>- Nội dung học phần: Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức lý thuyết và kỹ năng cơ bản về giao tiếp, thương lượng và đàm phán trong kinh doanh: Khái niệm về giao tiếp, phương pháp giao tiếp, kỹ năng giao tiếp chung, giao tiếp cụ thể, cũng như nghệ thuật thương lượng, đàm phán. Thêm vào đó, tại cuối môn học, sinh viên sẽ được thực hành các tình huống được lấy từ thực tiễn để rèn luyện kỹ năng giao tiếp và đàm phán trong kinh doanh.</p> <p>- Năng lực đạt được:</p>	<p>Giáo trình/Tài liệu tham khảo bắt buộc Hoàng Đức Thân (2012), <i>Giáo trình giao dịch và đàm phán kinh doanh</i>, NXB ĐH KTQD</p> <p>Tài liệu tham khảo 1) Hà Nam Khánh Giao (2019), <i>Giáo trình giao tiếp trong kinh doanh</i>, NXB</p>

TT	Mã HP	Tên HP, số TC	Mô tả nội dung học phần	Tài liệu dạy học
			<p>Hiểu được kiến thức chung về phương pháp giao tiếp, kỹ năng giao tiếp chung, giao tiếp cụ thể, đàm phán, các cách thức đàm phán, các công việc cần chuẩn bị cho một cuộc đàm phán, diễn biến của cuộc đàm phán; hiểu được các kỹ thuật và những điều nên, không nên trong cuộc đàm phán;</p> <p>Thành thạo trong kỹ năng giao tiếp và đàm phán, lựa chọn các phương pháp, cách thức tham gia đàm phán hiệu quả đối với đối tác và khách hàng. Ứng dụng được kỹ năng giao tiếp, thương lượng trong hoạt động kinh doanh thực tế.</p> <p>Phân tích, đánh giá được các lỗi thường gặp trong quá trình giao tiếp và đàm phán kinh doanh. Đo lường và đánh giá được hiệu quả của hoạt động giao tiếp, đàm phán thực tiễn phát sinh trong cuộc sống và công việc.</p> <p>Tự tin trong xây dựng kế hoạch và chuẩn bị cho một cuộc thương lượng và đàm phán.</p> <p>Có khả năng tự học tập nghiên cứu các tài liệu liên quan đến vấn đề đàm phán và thương lượng để tiếp tục hoàn thiện, phát triển năng lực phục vụ công việc.</p>	<p>lao động- xã hội</p> <p>2) Ngô Kim Thanh (2012), <i>Kỹ năng quản trị</i>, NXB Đại học Kinh tế quốc dân</p>
III	Kiến thức bổ trợ (6TC)			
43	<i>Chọn 1 trong 2 học phần</i>			
a	152030	<i>Phân tích hoạt động kinh doanh, 3TC</i>	<p>- Nội dung học phần:</p> <p>Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về chức năng, vị trí của phân tích hoạt động kinh doanh trong quản lý kinh tế hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Các phương pháp phân tích và tổ chức phân tích hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Các kỹ thuật phân tích cụ thể về chỉ tiêu kết quả sản xuất, tình hình sử dụng các yếu tố của sản xuất, tình hình sử dụng chi phí sản xuất kinh doanh và giá thành sản phẩm, tình hình tiêu thụ sản phẩm và lợi nhuận của doanh nghiệp. Lượng hoá các nhân tố và xác định các nguyên nhân ảnh hưởng, đề xuất các biện pháp để sử dụng có hiệu quả các nguồn lực của doanh nghiệp.</p> <p>- Năng lực đạt được:</p> <p>Người học hiểu được những khái niệm cơ bản và tác dụng, đối tượng, nội dung của phân tích HĐKD. Nắm được các phương pháp phân tích hoạt động kinh doanh (bao gồm: phương pháp chi tiết, phương pháp so sánh, loại trừ, ...)</p> <p>Người học có khả năng phân tích các yếu tố sản xuất trong doanh nghiệp (yếu</p>	<p><i>Giáo trình bắt buộc</i></p> <p>Nguyễn Văn Công (2013), <i>Giáo trình phân tích kinh doanh</i>, NXB ĐH KTQD.</p> <p><i>Tài liệu tham khảo</i></p> <p>1) Phạm Văn Dược, Đặng Thị Kim Cương (2007), <i>Phân tích hoạt động kinh doanh</i>, NXB Lao động- Xã hội.</p> <p>2) Nguyễn Ngọc Quang (2011) <i>Giáo trình phân tích hoạt động kinh doanh</i>, Nxb Giáo dục Việt Nam.</p>

TT	Mã HP	Tên HP, số TC	Mô tả nội dung học phần	Tài liệu dạy học
			<p>tổ lao động, tài sản cố định, tình hình cung ứng và sử dụng nguyên vật liệu cho sản xuất)</p> <p>Người học có khả năng đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch chi phí sản xuất kinh doanh và giá thành sản phẩm, phân tích được tình hình thực hiện kế hoạch hạ thấp giá thành của những sản phẩm so sánh được.</p> <p>Người học có khả năng phân tích tình hình thực hiện chi phí trên 1.000 đồng giá trị sản phẩm, phân tích được các khoản mục chủ yếu của giá thành sản phẩm (chi phí NVL TT, chi phí NC TT, chi phí SXC)</p> <p>Người học có khả năng phân tích tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất mặt hàng chủ yếu hoặc theo đơn đặt hàng, phân tích kết quả sản xuất về chất lượng sản phẩm. Người học có khả năng phân tích tình hình tiêu thụ sản phẩm và lợi nhuận. Phân tích tình hình tài chính của doanh nghiệp..Rèn luyện được thói quen, phong cách làm việc khoa học, nghiêm túc và có ý thức trong hoạt động tự học.</p>	
b	154008	Kế toán quản trị chi phí	<p>-Nội dung học phần:</p> <p>Học phần giới thiệu vai trò nhiệm vụ kế toán quản trị; Kế toán quản trị chi phí và giá thành sản phẩm; Mối quan hệ giữa chi phí khối lượng và lợi nhuận; Phân tích thông tin thích hợp cho việc ra quyết định ngắn hạn, Lập dự toán sản xuất kinh doanh và phân tích chi phí sản xuất kinh doanh.</p> <p>- Năng lực đạt được:</p> <p>Người học nắm vững có kiến thức lý thuyết về kế toán quản trị; kế toán quản trị chi phí và giá thành sản phẩm; định giá bán sản phẩm; mối quan hệ giữa chi phí khối lượng và lợi nhuận. dự toán sản xuất kinh doanh.</p> <p>Người học có khả năng phân tích được thông tin thích hợp cho việc ra quyết định ngắn hạn, có khả năng lập dự toán sản xuất kinh doanh</p> <p>Người học có khả năng vận dụng mối quan hệ chi phí khối lượng lợi nhuận vào quá trình ra quyết định; vận dụng được nguyên tắc định giá bán để định giá bán sản phẩm trong các trường hợp cụ thể.</p> <p>Vận dụng được lập các dự toán sản xuất kinh doanh</p> <p>Người học có kỹ năng phân tích, giải quyết vấn đề, kỹ năng làm việc theo</p>	<p>Giáo trình bắt buộc</p> <p>Lê Thị Minh Huệ, Lê Thị Hồng và cộng sự (2022) <i>Giáo trình Kế toán quản trị</i>, NXB Kinh tế quốc dân</p> <p>* Tài liệu tham khảo:</p> <p>1) Trần Thị Thu Hương, Nguyễn Thị Hồng Điệp (2016), <i>Xây dựng mô hình kế toán quản trị chi phí trong doanh nghiệp sản xuất</i>, NXB Kinh tế quốc dân.</p> <p>2) Nguyễn Thị Bình, Nguyễn Thị Nhung, Lê Thị Minh Trí (2019), <i>Kế toán quản trị chi phí</i>, NXB Tài Chính</p>

TT	Mã HP	Tên HP, số TC	Mô tả nội dung học phần	Tài liệu dạy học
			nhóm; giao tiếp, lắng nghe, trình bày, thảo luận và thuyết phục người khác; Kỹ năng hoạch định, lập kế hoạch, kiểm soát, quản lý thời gian để hoàn thành đúng hạn nhiệm vụ được giao. Hình thành hứng thú học tập và tăng thêm lòng yêu nghề, không ngừng rèn luyện để có được những kiến thức, kinh nghiệm cần thiết đảm bảo tốt cho hoạt động nghề nghiệp trong tương lai; có thái độ học tập và phẩm chất đạo đức nghề nghiệp tốt.	
IV	Thực tập TN, KLTN/HP thay thế (11TC)			
44	151066	Thực tập tốt nghiệp, 5TC	<p>- Nội dung học phần: Nội dung học phần: Giúp sinh viên vận dụng kiến thức nghề nghiệp đã học vào nghiên cứu vấn đề theo các lĩnh vực chuyên môn nghiệp vụ của doanh nghiệp nhất là các doanh nghiệp xuất nhập khẩu, tổ chức thực hiện các kế hoạch xuất nhập khẩu; quản lý và điều hành các công việc về hợp đồng xuất nhập khẩu; nghiệp vụ xuất nhập khẩu như giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu, và các tổ chức kinh tế phù hợp với chuyên ngành Kinh tế.</p> <p>- Năng lực đạt được: Người học nắm vững và vận dụng các kiến thức chung và kiến thức chuyên môn liên quan đến chuyên đề thực tập, Phân tích được tình huống thực tế tại doanh nghiệp nói chung và doanh nghiệp xuất nhập khẩu nói riêng, các tổ chức kinh tế trong quá trình hội nhập nền kinh tế quốc tế. Áp dụng thành thạo kỹ năng xử lý thông tin và ra quyết định đúng đắn nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển, hội nhập nền kinh tế quốc tế. Kỹ năng hoạch định mục tiêu, kế hoạch, chiến lược trong doanh nghiệp, các đơn vị, các tổ chức về kinh tế, đưa ra các nhận định các vấn đề kinh tế đơn vị thực tập và đề xuất một số giải pháp cải thiện hiệu quả tại các tổ chức, đơn vị thực tập. Có kỹ năng lập kế hoạch, quản lý thời gian thực tập, kỹ năng giao tiếp, làm việc nhóm. Chấp hành nội quy giai đoạn thực tập, năng lực chịu trách nhiệm trước hành vi của mình. Người học có năng lực tư duy sáng tạo, có khả năng học hỏi chuyên môn nghiệp vụ trong giai đoạn thực hiện thực tập tại các đơn vị. Hoàn thành báo cáo thực tập được đánh giá mức đạt trở lên.</p>	<p>Giáo trình bắt buộc Giáo trình liên quan đến chuyên đề thực tập.</p> <p>Tài liệu tham khảo: 1) Các báo cáo (thứ cấp) về đơn vị nghiên cứu; 2) Tham khảo các tài liệu về chuyên ngành kinh tế trên thư viện và học liệu mở, trường ĐH Hồng Đức http://thuvien.hdu.edu.vn/opac/.</p>

TT	Mã HP	Tên HP, số TC	Mô tả nội dung học phần	Tài liệu dạy học
	151067	Khoá luận tốt nghiệp, 6TC	<p>- Nội dung học phần: Giúp sinh viên vận dụng kiến thức nghề nghiệp đã học vào nghiên cứu vấn đề theo các lĩnh vực chuyên môn nghiệp vụ của doanh nghiệp nhất là các doanh nghiệp xuất nhập khẩu, tổ chức thực hiện các kế hoạch xuất nhập khẩu; quản lý và điều hành các công việc về hợp đồng xuất nhập khẩu; nghiệp vụ xuất nhập khẩu như giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu, và các tổ chức kinh tế phù hợp với chuyên ngành Kinh tế.</p> <p>- Năng lực đạt được: Phân tích và đánh giá được các kiến thức chuyên sâu liên quan đến chuyên đề khoá luận; Sinh viên có khả năng vận dụng các phương pháp nghiên cứu khoa học để thực hiện được một đề tài nghiên cứu cụ thể trong lĩnh vực kinh tế</p> <p>Sinh viên có khả năng vận dụng các phương pháp nghiên cứu khoa học để thực hiện được một đề tài nghiên cứu cụ thể trong lĩnh vực kinh tế. sử dụng các công cụ thống kê, kỹ năng sử dụng thành thạo các phần mềm trong thống kê để xử lý, phân tích dữ liệu để đạt được mục đích nghiên cứu.</p> <p>Có thái độ học tập tích cực, phát huy được khả năng tư duy sáng tạo, độc lập. Sinh viên có thể tự chủ trong thực hiện các nghiên cứu.</p>	<p>Giáo trình bắt buộc Trần Tiến Khai (2014), Phương pháp nghiên cứu kinh tế, ĐH Kinh tế TP Hồ Chí Minh, NXB Lao động xã hội.</p> <p>Tài liệu tham khảo: Tham khảo các tài liệu về chuyên ngành kinh tế trên thư viện và học liệu mở, trường ĐH Hồng Đức http://thuvien.hdu.edu.vn/opac/.</p>
Học phần thay thế KLTN				
45	151223	Hội nhập kinh tế quốc tế, 3TC	<p>- Nội dung học phần: Cung cấp cho những người học những kiến thức cơ bản, có hệ thống và chuyên sâu về hội nhập kinh tế quốc tế. Tìm hiểu về các tổ chức kinh tế quốc tế nổi bật trên thế giới và các tổ chức kinh tế quốc tế có sự tham gia của Việt Nam</p> <p>- Năng lực đạt được: Nắm vững được từ bản chất đến vai trò của việc hội nhập kinh tế quốc tế. Hiểu rõ về các tổ chức kinh tế quốc tế đang đóng vai trò chủ đạo trong hội nhập kinh tế quốc tế hiện nay như tổ chức thương mại thế giới (WTO), liên minh châu Âu (EU), hay các tổ chức có vai trò chủ đạo trong hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam như Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN). Phân tích được các vấn đề của Việt Nam khi tham gia vào quá trình hội nhập kinh tế quốc tế. Rèn luyện được thói quen, phong cách làm việc khoa học, nghiêm túc và có ý thức trong hoạt động tự học</p>	<p>Giáo trình bắt buộc Ngô Thị Tuyết Mai, Nguyễn Như Bình (2019), <i>Giáo trình Hội Nhập Kinh tế quốc tế</i>, NXB Đại học Kinh tế quốc dân.</p> <p>Tài liệu tham khảo: Đỗ Đức Bình, Ngô Thị Tuyết Mai (2012), <i>Giáo trình kinh tế quốc tế</i>, NXB ĐH KTQD.</p>

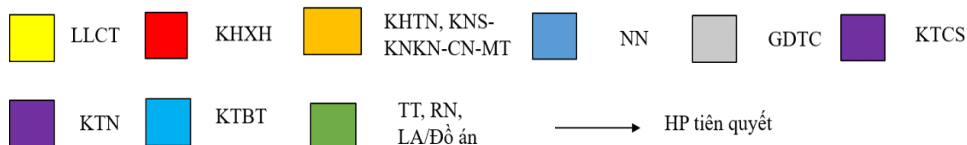
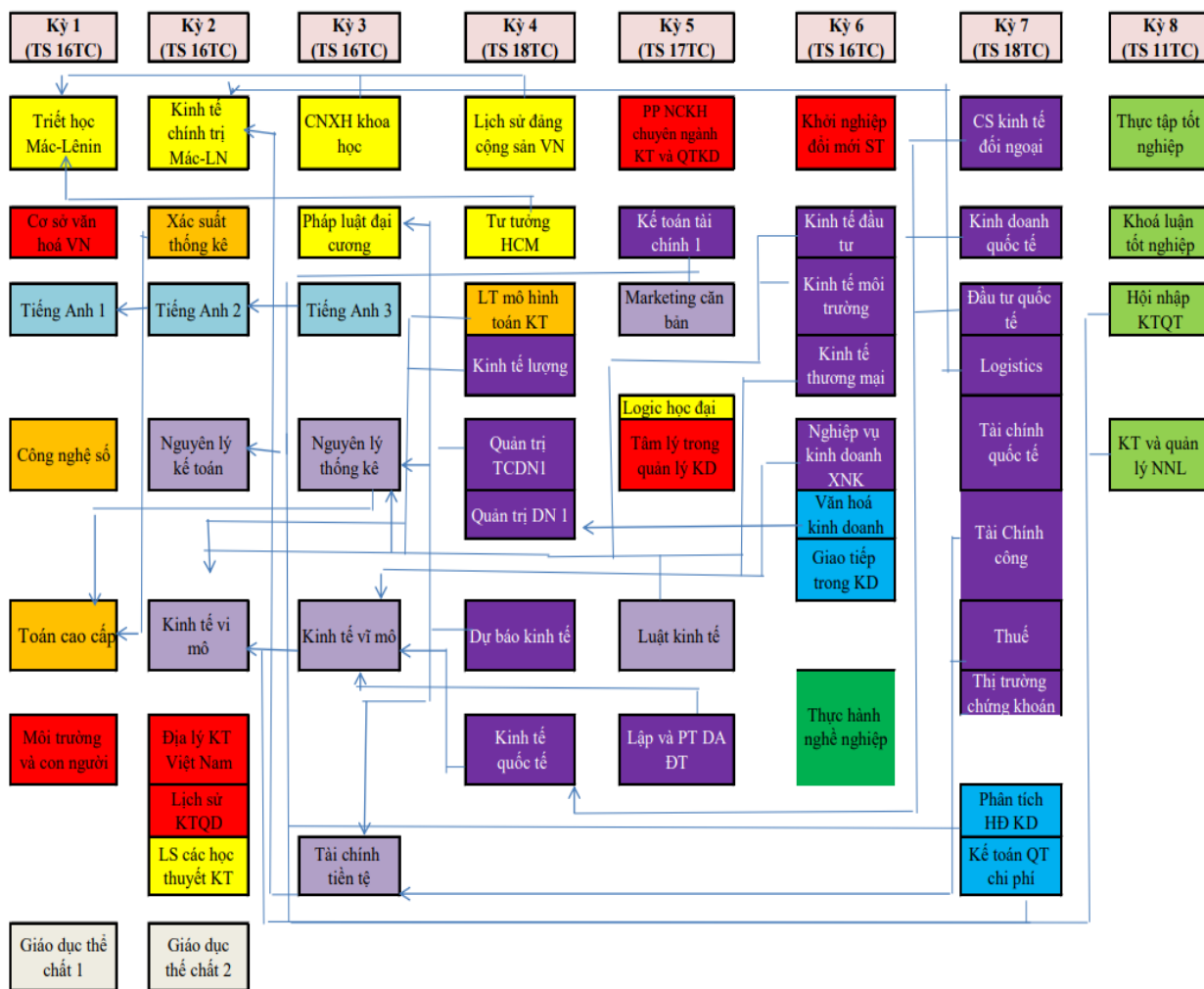
TT	Mã HP	Tên HP, số TC	Mô tả nội dung học phần	Tài liệu dạy học
46	151092	KT và quản lý nguồn nhân lực, 3TC	<p>- Nội dung học phần: Học phần Kinh tế và quản lý nguồn nhân lực nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về sự hình thành nguồn nhân lực và đào tạo nguồn nhân lực; Thị trường lao động và phân bố các nguồn nhân lực; Năng suất lao động và cường độ lao động; khoa học kỹ thuật công nghệ và tăng năng suất lao động; Từ đó giúp người học có thể nhìn nhận và đánh giá vấn đề thực tiễn một cách khoa học hơn.</p> <p>- Năng lực đạt được: Phân tích được các vấn đề liên quan đến: khái niệm cơ bản về lao động và nguồn lao động, dân số hoạt động kinh tế và dân số không hoạt động kinh tế, những yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng LĐ.</p> <p>Phân tích được các vấn đề cơ bản khác thị trường lao động như; giá cả sức lao động, vấn đề cạnh tranh, cơ sở hạ tầng của thị trường lao động; Có khả năng vận dụng các vấn đề cơ bản về năng suất lao động như: khái niệm, các chỉ tiêu tính NSLĐ phổ biến hiện nay. Vận dụng các phương pháp đào tạo và phát triển nguồn nhân lực trong phân tích tình huống thực tế; Xây dựng được kế hoạch đào tạo và phát triển nguồn nhân lực. Đánh giá được tình hình kinh tế địa phương và Việt Nam; Đánh giá được thực trạng và dự báo thất nghiệp lao động Việt Nam trong tương lai, đề xuất ý kiến giảm tỷ lệ thất nghiệp; Tính toán được tiền công tiền lương tại điểm cân bằng khi không và có sự điều tiết của Nhà nước. Rèn luyện được thói quen, phong cách làm việc khoa học, nghiêm túc và có ý thức trong hoạt động tự học.</p>	<p>Giáo trình bắt buộc Trần Xuân Cầu, Mai Quốc Chánh (2012), <i>Giáo trình Kinh tế nguồn nhân lực</i>, NXB ĐH KTQD</p> <p>Tài liệu tham khảo: 1). Nguyễn Ngọc Quân, Nguyễn Văn Diễm (2012), <i>Giáo trình Quản trị nhân lực</i>, NXB ĐH KTQD 2) Vũ Hoàng Ngân, Phạm Thị Bích Ngọc (2019), <i>Giáo trình phát triển nguồn nhân lực</i>, NXB ĐH KTQD</p>

3. Trình tự nội dung chương trình dạy học

Năm thứ nhất				Năm thứ hai			
Học kỳ 1 (16TC)	TC	Học kỳ 2 (16TC)	TC	Học kỳ 1 (16TC)	TC	Học kỳ 1 (18TC)	TC
Triết học Mác-Lênin	3	KTCT Mác-Lênin	2	Chủ nghĩa xã hội KH	2	Lịch sử Đảng cộng sản VN	2
Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	Tiếng Anh 2	3	Pháp luật đại cương	2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2
Môi trường và con người	2	<i>Chọn 1 trong 3:</i> Địa lý kinh tế Việt Nam Lịch sử kinh tế quốc dân Lịch sử các học thuyết KT	2	Tiếng Anh 3	3	<i>Chọn 1 trong 2 học phần:</i> Kinh tế lượng Lý thuyết mô hình toán KT	3
Tiếng Anh 1	4	Xác suất và TK Toán học	3	Kinh tế vĩ mô	3	Quản trị doanh nghiệp	3
Toán cao cấp	2	Kinh tế vi mô	3	Nguyên lý TK	3	Quản trị tài chính DN1	3
Công nghệ số	3	Nguyên lý kế toán	3	Tài chính TT	3	Kinh tế quốc tế	3
						Dự báo kinh tế	2
Tổng	16	Tổng	16	Tổng	16	Tổng	18

Năm thứ ba				Năm thứ tư			
Học kỳ 1 (6 HP, 17 TC)	TC	Học kỳ 2 (6 HP, 16 TC)	TC	Học kỳ 1 (6 HP, 18 TC)	TC	Học kỳ 2 (11 TC)	TC
PP NCKH chuyên ngành Kinh tế và QTKD	3	Khởi nghiệp đổi mới ST	3	Kinh doanh quốc tế	3	Thực tập tốt nghiệp	5
<i>Chọn 1 trong 2 học phần</i> Logic học đại cương Tâm lý học quản lý KD	2	<i>Chọn 2 trong 3:</i> Kinh tế đầu tư Kinh tế môi trường Kinh tế thương mại	4	Chính sách kinh tế đối ngoại	3	<i>Chọn 1 trong 2:</i> Khóa luận tốt nghiệp Hoặc:	6
Marketing căn bản	3	Nghiệp vụ KD XNK	3	<i>Chọn 2 trong 3:</i> Đầu tư quốc tế Logistics Tài chính quốc tế	6	Hội nhập kinh tế quốc tế	
Luật kinh tế	2	Thực hành nghề nghiệp	3	<i>Chọn 1 trong 3:</i> Tài chính công Thuế Thị trường chứng khoán	3	KT và quản lý nguồn nhân lực	
Kế toán tài chính 1	4	<i>Chọn 1 trong 2 học phần</i> Văn hoá kinh doanh Giao tiếp và đàm phán trong KD	3	<i>Chọn 1 trong 2:</i> Phân tích hoạt động KD Kế toán quản trị chi phí	3		
Lập và phân tích DADT	3						
Tổng	17	Tổng	16	Tổng	18	Tổng	11

4. Sơ đồ cấu trúc chương trình dạy học



5. Ma trận đáp ứng giữa các học phần và chuẩn đầu ra CTĐT

Mối quan hệ giữa học phần với chuẩn đầu ra CTĐT (PLO).

Tên HP	Chuẩn đầu ra CTĐT											
	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10	PLO11	PLO12
HP1	✓											
HP2	✓											
HP3	✓											
HP4	✓											
HP5	✓											
HP6	✓											
HP7			✓									
HP8			✓									
HP9			✓									
HP10						✓						
HP11				✓								
HP12		✓										
HP13		✓										
HP14		✓										
HP15					✓							
HP16					✓							
HP17					✓							
HP18					✓							
HP19							✓					
HP20							✓					
HP21							✓					
HP22								✓				
HP23								✓				
HP24							✓					
HP25							✓					
HP26								✓				
HP27								✓				
HP28								✓				
HP29								✓				
HP30								✓				

Tên HP	Chuẩn đầu ra CTĐT											
	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10	PLO11	PLO12
HP31							✓					
HP32							✓					
HP33									✓			
HP34									✓			
HP35									✓			
HP36									✓			
HP37									✓			
HP38										✓		
HP39										✓		
HP40									✓			
HP41									✓			
HP42										✓	✓	✓
HP43										✓	✓	
HP44										✓	✓	
HP45										✓	✓	
HP46										✓	✓	✓

Ghi chú: Dùng ký hiệu (✓) để xác định sự liên quan giữa chuẩn đầu ra và mục tiêu của CTĐT

Thanh Hóa, ngày 20 tháng 10 năm 2023

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Đậu Bá Thìn

LÃNH ĐẠO KHOA QUẢN LÝ CTĐT
TRƯỞNG KHOA



PGS.TS. Lê Quang Hiếu